

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Tuyết

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG – 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ
GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH THANH TUẤN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Vũ Thị Tuyết

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG – 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Tuyết

Mã SV: 120467

Lớp: QT 1206K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty

TNHH Thanh Tuấn

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày khái quát những lý luận chung về thuế giá trị gia tăng.
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH Thanh Tuấn.
 - Đưa ra những nhận xét về kế toán nói chung và kế toán thuế giá trị gia tăng nói riêng tại công ty từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2011
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

CÔNG TY TNHH THANH TUẤN

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến:

Các thầy giáo, cô giáo dạy trong trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng đã tận tình truyền đạt kiến thức nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kế toán – Kiểm toán và cả kinh nghiệm sống quý báu, thực sự hữu ích cho bản thân em trong thời gian thực tập và cả sau này.

Cô giáo Th.S Đồng Thị Nga đã hết lòng hỗ trợ và giúp đỡ em từ khâu chọn đề tài, cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập cho đến khi hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Các cô, bác làm việc tại Công ty TNHH Thanh Tuấn đã tạo cho em cơ hội được thực tập và nghiên cứu tại phòng Kế toán của công ty.

Cuối cùng, em chúc thầy cô cùng các cô, bác làm việc tại Công ty TNHH Thanh Tuấn sức khỏe, thành công, hạnh phúc.

Em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
PHẦN I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GTGT VÀ KẾ TOÁN THUẾ GTGT	3
I. Lý luận chung về thuế GTGT.	3
1.1. Khái niệm.	3
1.2. Sự ra đời và phát triển của thuế GTGT.	3
1.3. Đặc điểm thuế GTGT.	4
1.4. Vai trò của thuế GTGT.	4
II. Các quy định về thuế GTGT.	4
2.1. Đối tượng chịu thuế và người nộp thuế.	4
2.1.1. Đối tượng chịu thuế:.....	5
2.1.2. Người nộp thuế :.....	5
2.2. Đối tượng không chịu thuế :	5
2.3. Căn cứ tính thuế	6
2.3.1. Giá tính thuế GTGT: (Nguyên tắc giá tính thuế là giá chưa có thuế GTGT).....	6
2.3.2. Mức thuế suất:.....	7
2.4. Phương pháp tính thuế.	9
2.4.1. Phương pháp khấu trừ thuế.	9
2.4.1.1. Đối tượng:	9
2.4.1.2. Công thức xác định:	9
2.4.1.3. Điều kiện khấu trừ thuế.....	10
2.4.2. Phương pháp tính thuế trực tiếp trên GTGT	10
2.4.2.1. Đối tượng:	10
2.4.2.2. Xác định thuế GTGT phải nộp.....	10
2.5. Thủ tục kê khai và nộp thuế.	12
2.5.1. Kê khai thuế.	12
2.5.2. Nộp thuế.	12
2.5.3. Hoàn thuế	12
2.6. Kế toán thuế GTGT tại doanh nghiệp.....	13

2.6.1. Nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT.	13
2.6.1.2. Quyền hạn.	14
2.6.2. Chứng từ kế toán sử dụng	14
2.6.3. Tài khoản kế toán sử dụng	15
2.6.3.1. Tài khoản 133- thuế GTGT được khấu trừ	15
2.6.3.2. Tài khoản 3331- thuế GTGT phải nộp.....	22
PHẦN II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT TẠI CÔNG TY TNHH THANH TUẤN	28
I.Giới thiệu khái quát về công ty TNHH Thanh Tuấn	28
1.1. Quá trình hình thành và phát triển.	28
1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.....	28
1.2.1. Hình thức pháp lý:.....	28
1.2.2. Đặc điểm kinh doanh của Công ty	28
1.2.3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty.	29
1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.	30
1.4. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.....	31
1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty và sơ đồ luân chuyển chứng từ.	33
1.5.1. Chế độ kế toán áp dụng.....	33
1.5.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.	33
II. Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thanh Tuấn.....	34
2.1. Phương pháp tính thuế và thuế suất áp dụng	34
2.2. Hạch toán ban đầu.....	35
2.2.1. Chứng từ đầu vào.	36
2.2.2. Chứng từ đầu ra.....	46
2.3. Quy trình lập tờ khai thuế GTGT.....	58
2.4. Một số quy định chung khi lập tờ khai thuế.	65
2.4.1. Một số quy định chung, nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế GTGT.....	65
2.4.2. Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế GTGT (mẫu số 01/GTGT)	66

PHẦN III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT TẠI CÔNG TY TNHH THANH TUẤN.....	70
I. Yêu cầu của việc hoàn thiện.	70
1. Hoàn thiện phải phù hợp với chính sách và chuẩn mực kế toán.....	70
2. Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.....	70
II. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH Thanh Tuấn.	71
1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thanh Tuấn.....	71
1.1. Ưu điểm	71
1.2. Hạn chế:.....	72
2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thanh Tuấn.	73
2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT.	73
2.2. Mục đích, phạm vi, nguyên tắc của hoàn thiện.....	74
2.2.1. Những ý kiến hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty.	74

LỜI MỞ ĐẦU

Phát triển kinh tế luôn là mục tiêu hàng đầu của mỗi quốc gia. Để thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế của đất nước, Nhà nước ta cần phải có môi trường đầu tư thuận lợi và cơ chế chính sách sao cho phù hợp, rõ ràng và ổn định.

Thuế không chỉ không chỉ tạo nguồn thu cho Chính phủ hoạt động mà còn là công cụ để phân phối lại thu nhập, tạo ra công bằng xã hội vì vậy thuế đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong hệ thống các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Những năm qua, hệ thống pháp luật thuế ở nước ta đã được ban hành, bổ sung ngày càng phong phú và hoàn thiện hơn. Đặc biệt Luật thuế GTGT đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI thông qua tại kỳ họp thứ 11 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1999 thay thế cho Luật thuế doanh thu là một thành công lớn trong quá trình cải cách hệ thống thuế, có ý nghĩa lịch sử trong hoạt động quản lý kinh tế của Đảng và nhà nước ta.

Qua 13 năm thực hiện, Luật thuế GTGT về cơ bản đã phát huy được các mặt tích cực đối với đời sống kinh tế xã hội, khắc phục được tính trùng lặp của thuế doanh thu, thúc đẩy phát triển sản xuất, khuyến khích xuất khẩu.

Song bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Luật thuế GTGT vẫn gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện cần giải quyết như: đối tượng chịu thuế, phương pháp tính thuế, chế độ hóa đơn chứng từ, khấu trừ thuế, kê khai và hoàn thuế, ...

Nhận thức được tầm quan trọng của thuế GTGT, với vốn kiến thức đã được trang bị trên ghế nhà trường cùng với quá trình tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH Thanh Tuấn, em đã chọn đề tài “hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thanh Tuấn” làm đề tài luận văn của mình.

Bài luận văn của em gồm 3 phần chính như sau:

Phần I: Lý luận chung về thuế GTGT và tổ chức kế toán thuế GTGT

Phần II: Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thanh Tuấn.

Phần III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty.

Được sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo ThS. Đồng Thị Nga và các cô chú trong phòng kế toán tại công ty TNHH Thanh Tuấn, em đã hoàn thành chuyên đề này. Với kiến thức tích lũy còn hạn chế, phạm vi đề tài rộng và thời gian thực tế chưa nhiều nên bài khó tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo và các cô chú trong phòng kế toán công ty để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN I:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GTGT VÀ KẾ TOÁN THUẾ GTGT****I. Lý luận chung về thuế GTGT.****1.1. Khái niệm.**

Thuế GTGT là loại thuế gián thu, đánh trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ (HHDV) phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng.

1.2. Sự ra đời và phát triển của thuế GTGT.

Thật ra khái niệm thuế GTGT được đưa ra lần đầu tiên vào năm 1918 bởi một người Đức tên Carlriedrich Von Siemens - là thành viên sáng lập tập đoàn SIEMENS A-S, tập đoàn sản xuất hàng kim khí điện máy lớn nhất nước Đức lúc bấy giờ. Ông đã sớm nhận ra sự trùng lặp thuế khi thực hiện thuế doanh thu. Từ nhận thức đó, ông đã đưa ra khái niệm thuế GTGT và đề xuất với chính phủ Đức đưa vào áp dụng thay thế cho thuế doanh thu lúc bấy giờ. Nhưng đề xuất này đã không được chính phủ Đức thông qua áp dụng. Bởi chính phủ Đức lo sợ sự phức tạp của loại thuế này sẽ gây xáo trộn không tốt cho nền kinh tế Đức. Do đó, sáng kiến của ông phần nào bị lãng quên trong 1 thời gian dài.

Năm 1920, ở Pháp, thuế doanh thu được tính cho tất cả các khâu của quá trình lưu thông hàng hóa, dịch vụ. Điều này dẫn đến một bất cập là hiện tượng “thuế chồng thuế” vì số thuế nộp trùng lặp nhiều lần qua mỗi khâu lưu thông.

Năm 1936, Pháp cải tiến thuế doanh thu chỉ đánh 1 lần vào công đoạn cuối của quá trình sản xuất. Hiện tượng trùng lặp thuế được khắc phục nhưng tốc độ thu thuế chậm.

Năm 1948, thuế doanh thu tiếp tục được hoàn thiện đánh vào từng công đoạn của quá trình sản xuất và thuế phải nộp giai đoạn sau được trừ số thuế phải nộp của giai đoạn trước. Ban đầu cách tính này chỉ áp dụng đối với ngành công nghiệp và chỉ cho khâu trừ thuế đã nộp đối với nguyên vật liệu.

Đến năm 1954, Maurice Laure, một viên chức thuế Pháp đã hoàn chỉnh đạo luật thuế GTGT, thuế GTGT chính thức ra đời 10/4/1954, với tên tiếng Pháp là “Taxe sur la valeur Ajoutée” viết tắt TVA.

Tại Việt Nam, chính quyền Sài Gòn đã áp dụng thuế GTGT vào năm 1973 sau khi sửa đổi và áp dụng 1 số sắc thuế như thuế Khiêm ước, thuế Song hành. Đến năm 1975, khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, luật thuế này đã bị bãi bỏ .

Năm 1993, luật thuế GTGT được áp dụng thí điểm cho 10 doanh nghiệp (chủ yếu là doanh nghiệp ngành mía đường và doanh nghiệp quốc doanh) nhưng chương trình thí điểm đã thất bại.

Từ ngày 1/1/1999 thuế GTGT được áp dụng tại Việt Nam cho đến nay.

1.3. Đặc điểm thuế GTGT.

- Thuế GTGT là loại thuế gián thu.
- GTGT là giá trị tăng thêm trong mỗi khâu của quá trình sản xuất kinh doanh.
- Thuế GTGT thu ở tất cả các giai đoạn từ sản xuất đến tiêu dùng.
- Tổng số thuế GTGT thu được ở tất cả các giai đoạn sẽ bằng số thuế GTGT tính trên giá bán cho người tiêu dùng cuối cùng.
- Là loại thuế có tính trung lập cao
- Thuế GTGT chỉ tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ do vậy tránh được trùng lặp thuế.

1.4. Vai trò của thuế GTGT.

- Điều tiết thu nhập của tổ chức, cá nhân tiêu dùng HHDV chịu thuế GTGT.
- Là khoản thu quan trọng của NSNN. Ở Việt Nam, thuế GTGT là loại thuế có tỷ trọng đóng góp cho NSNN cao nhất trong tất cả các sắc thuế hiện hành, chiếm tỷ trọng khoảng 20-25% trong tổng thu từ thuế, phí và lệ phí.
- Không trùng lặp do thuế chỉ tính vào giá trị tăng thêm của HHDV, thuế nộp ở khâu trước khấu trừ khâu sau nên khuyến khích đầu tư phát triển SXKD.
- Khuyến khích xuất khẩu HHDV thông qua áp dụng thuế xuất 0%, HHDV xuất khẩu không phải nộp thuế GTGT mà được khấu trừ toàn bộ số thuế đầu vào.
- Thúc đẩy thực hiện chế độ hạch toán kế toán; sử dụng hóa đơn, chứng từ và thanh toán qua ngân hàng.

II. Các quy định về thuế GTGT.

2.1. Đối tượng chịu thuế và người nộp thuế.

2.1.1. Đối tượng chịu thuế:

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là HHDV dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm HHDV của các tổ chức cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT nêu tại mục II, phần A thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.2. Người nộp thuế :

Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức nhập khẩu hàng hoá, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu).

2.2. Đối tượng không chịu thuế :

Có 25 loại hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT được phân làm các nhóm sau:

- **Nhóm 1:** Hàng hoá dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu của cộng đồng
Ví dụ: dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố, chiếu sáng công, dịch vụ tang lễ các dịch vụ nêu tại điểm này không phân biệt nguồn kinh phí chi trả.
- **Nhóm 2:** Hàng hoá dịch vụ đang khuyến khích hoặc cần được khuyến khích.
Ví dụ: Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học-kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; in tiền.
Báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, bao gồm cả hoạt động truyền trang báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành.
- **Nhóm 3:** đối tượng nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất.
Ví dụ: Nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê.
Chuyển quyền sử dụng đất.
- **Nhóm 4:** Khoáng sản khai thác chưa chế biến đem xuất khẩu

Ví dụ: Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến.

2.3. Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất.

2.3.1. Giá tính thuế GTGT: (Nguyên tắc giá tính thuế là giá chưa có thuế GTGT)

1) Đối với HHDV do CS SXKD bán ra hoặc cung ứng cho đối tượng khác:

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT ghi trên hoá đơn

2) Đối với HH nhập khẩu:

Giá tính thuế = giá NK+ thuế NK+thuế TTĐB(nếu có)

3) Đối với HHDV chịu thuế TTĐB:

Giá tính thuế= giá chưa có thuế GTGT+ thuế TTĐB

4) Đối với HH bán theo phương thức trả góp, trả chậm:

Giá tính thuế= giá bán trả 1 lần chưa VAT(không bao gồm lãi trả góp, trả chậm)

5) Đối với dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới, uỷ thác XNK và dịch vụ khác hưởng tiền công, hoa hồng:

Giá tính thuế = giá tiền công(hoa hồng) được hưởng chưa có VAT

6) Đối với HHDV dùng để trao đổi biểu tặng hoặc trả thay lương:

Giá tính thuế = giá tính thuế của HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh hoạt động.

7) Đối với DV cho thuê tài sản:

Giá tính thuế= số tiền thuê từng kỳ hoặc thu trước

8) Đối với HHDV cơ sở KD xuất để tiêu dùng, không phục vụ SXKD hoặc dùng SXKD HHDV không chịu thuế VAT:

Giá tính thuế= giá bán HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh việc tiêu dùng

9) Đối với hoạt động in:

Giá tính thuế= tiền công in(có thể gồm cả tiền giấy in)

10) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản:

$$\text{Giá tính thuế} = \text{giá bán} - \text{tiền sử dụng đất}$$

11) Đối với dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành, trọn gói (ăn, ở, đi lại):

$$\text{Giá tính thuế} = (\text{ giá trọn gói} - \text{ chi phí thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT}) / (1 + \text{thuế suất})$$

12) Đối với các hàng hóa dịch vụ sử dụng hóa đơn đặc thù:

$$\text{Giá tính thuế} = \text{giá bán} / (1 + \text{thuế suất})$$

2.3.2. Mức thuế suất:

Mức thuế suất GTGT được áp dụng như sau:

❖ **Thuế suất 0%:** áp dụng đối với HHDV xuất khẩu. Bao gồm:

- Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu; bán cho các doanh nghiệp chế xuất và các trường hợp được coi là xuất khẩu. HHDV xuất khẩu bao gồm cả hàng gia công xuất khẩu, hàng hoá dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT xuất khẩu (trừ một số quy định theo thông tư 120/2003/TTBTC ngày 12/12/2003).

- Dịch vụ xuất khẩu và dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để sử dụng cho tiêu dùng cá nhân(dịch vụ vận chuyển đưa đón cán bộ công nhân viên, cung cấp xuất ăn cho cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp chế xuất...)

- Các trường hợp được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật về thương mại.

- Vận tải quốc tế.

❖ **Mức thuế suất 5%:** HHDV thiết yếu dùng cho nhu cầu của cộng đồng (gồm 15 nhóm)

- Nhóm 1: Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác thuộc diện áp dụng mức thuế suất 10%.

- Nhóm 2: Phân bón; quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.

-Nhóm 3: Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác, bao gồm các loại đã qua chế biến hoặc chưa chế biến như cám, bã, khô dầu các loại, bột cá, bột xương và các loại thức ăn khác dùng cho gia súc, gia cầm và vật nuôi.

-Nhóm 4: Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp

-Nhóm 5: Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt lát, ướp muối, bảo quản lạnh và các hình thức bảo quản thông thường khác ở khâu kinh doanh thương mại.

Sản phẩm trồng trọt chưa qua chế biến hướng dẫn tại điểm này bao gồm cả thóc, gạo, ngô, khoai, sắn, lúa mỳ.

-Nhóm 6: Mủ cao su sơ chế như mủ cờ rếp, mủ tờ, mủ bún, mủ côm; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá bao gồm các loại lưới đánh cá, các loại sợi, dây giềng loại chuyên dùng để đan lưới đánh cá không phân biệt nguyên liệu sản xuất.

-Nhóm 7: Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại trừ gỗ, măng.

-Nhóm 8: Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn.

-Nhóm 9: Sản phẩm bằng đay, cói, tre, song, mây, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp.

-Nhóm 10: Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm máy cày, máy bừa, máy cấy, máy gieo hạt, máy tuốt lúa, máy gặt, máy gặt đập liên hợp, máy thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, máy hoặc bình bơm thuốc trừ sâu.

-Nhóm 11: Thiết bị, dụng cụ y tế gồm máy móc và dụng cụ chuyên dùng cho y tế như: các loại máy soi, chiếu, chụp dùng để khám, chữa bệnh; các thiết bị, dụng cụ chuyên dùng để mổ, điều trị vết thương, ô tô cứu thương;....

-Nhóm 12: Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học.

-Nhóm 13: Hoạt động văn hoá, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim.

-Nhóm 14: Đồ chơi cho trẻ em; Sách các loại, trừ sách không chịu thuế GTGT nêu tại phần trên.

-Nhóm 15: Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn, không bao gồm trò chơi trực tuyến và dịch vụ giải trí Internet.

❖ **Mức thuế suất 10%**: Hàng hoá thông thường còn lại.

2.4. Phương pháp tính thuế.

Cơ sở kinh doanh đăng ký nộp thuế GTGT theo một trong hai phương pháp: Phương pháp khấu trừ thuế và phương pháp tính thuế trực tiếp trên GTGT.

2.4.1. Phương pháp khấu trừ thuế.

2.4.1.1. Đối tượng:

Áp dụng đối với các đơn vị thực hiện tốt chế độ kế toán, sử dụng hoá đơn GTGT và không thuộc đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp trực tiếp.

2.4.1.2. Công thức xác định:

Thuế phải nộp = Thuế đầu ra - Thuế đầu vào được khấu trừ

Trong đó:

$$\begin{aligned} \text{Thuế đầu ra} &= \text{Giá tính thuế của HHDV chịu thuế bán ra} \times \text{Thuế suất thuế GTGT của HHDV đó} \\ \text{Thuế đầu vào được khấu trừ} &= \text{Giá tính thuế của HHDV mua vào chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế GTGT} \end{aligned}$$

2.4.1.3. Điều kiện khấu trừ thuế.

a) Có hoá đơn GTGT của HHDV mua vào hoặc chứng từ nộp thuế GTGT hàng hoá ở khâu nhập khẩu, chứng từ nộp thuế GTGT đối với trường hợp mua dịch vụ.

b) Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với HHDV mua vào từ trường hợp tổng giá trị HHDV mua vào từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

2.4.2. Phương pháp tính thuế trực tiếp trên GTGT

2.4.2.1. Đối tượng:

a) Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

c) Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng bạc , đá quý, ngoại tệ.

Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý và hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì phải hạch toán riêng được hoạt động kinh doanh mua , bán vàng, bạc, đá quý để áp dụng theo phương pháp tính thuế trực tiếp trên GTGT.

2.4.2.2. Xác định thuế GTGT phải nộp

$$\text{Thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của HHDV chịu thuế bán ra} \times \text{thuế suất áp dụng đối với HHDV tương ứng}$$

a) Giá trị gia tăng của HHDV được xác định bằng giá thanh toán của HHDV bán ra trừ (-) giá thanh toán của HHDV mua vào tương ứng.

Giá thanh toán của HHDV bán ra là giá thực tế bán ghi trên hoá đơn bán HHDV bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Giá thanh toán của HHDV mua vào được xác định bằng giá trị HHDV mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất kinh doanh HHDV chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.

b) Đối với cơ sở kinh doanh bán HHDV có đầy đủ hoá đơn của HHDV bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán HHDV như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không có đủ hoá đơn mua HHDV đầu vào thì GTGT được xác định bằng doanh thu nhân (x) với tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu.

Tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu làm căn cứ xác định giá trị gia tăng được quy định như sau:

- +Thương mại (phân phối, cung cấp hàng hoá): 10%
- +Dịch vụ, xây dựng (trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%
- +Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%

c) Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế theo tỷ lệ (%) GTGT do Bộ Tài chính quy định.

2.5. Thủ tục kê khai và nộp thuế.

2.5.1. Kê khai thuế.

- Các cơ sở kinh doanh HHDV chịu thuế GTGT thì phải có trách nhiệm lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng kèm theo bảng kê HHDV mua vào, bán ra theo mẫu quy định.

- Đối với các cơ sở kinh doanh nhập khẩu, mỗi lần phát sinh hoạt động nhập khẩu, cơ sở phải có trách nhiệm kê khai, nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu cho cơ quan hải quan thu thuế tại cửa khẩu nhập.

- Đối với các kinh doanh buôn chuyển phải kê khai và nộp thuế GTGT theo từng chuyển hàng cho cơ quan thuế nơi mua hàng trước khi vận chuyển hàng đi tiêu thụ.

Cơ sở kinh doanh nhiều loại HHDV có mức thuế suất thuế GTGT khác nhau phải kê khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại HHDV nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hoá dịch vụ mà cơ sở đó sản xuất, kinh doanh.

2.5.2. Nộp thuế.

- Đối với cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo thông báo của cơ quan thuế thì thời hạn nộp thuế của tháng chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp theo.

- Đối với cơ sở kinh doanh có số thuế phải nộp hàng tháng lớn thì cơ sở phải tạm nộp thuế theo định kỳ 10-15 ngày một lần và trong thời hạn quy định (Theo thông báo của cơ quan thuế) cơ sở phải nộp đủ số thuế phải nộp trong tháng.

2.5.3. Hoàn thuế

Theo luật thuế GTGT thì các cơ sở sản xuất kinh doanh, người nhập khẩu được hoàn thuế GTGT trong các trường hợp sau:

a) Các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được hoàn thuế trong các trường hợp sau:

➤ Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng trở lên có lũy kế số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra.

➤ Các cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá xuất khẩu, nếu có số thuế GTGT đầu vào và chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng tháng.

b) Các cơ sở kinh doanh mới thành lập thuộc đối tượng đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng chưa có doanh thu bán hàng, chưa có thuế GTGT đầu ra để khấu trừ với thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, vật tư, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên thì sẽ được xem xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm, số thuế GTGT đầu vào của TSCĐ, vật tư được hoàn có giá trị lớn hơn từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng quý.

c) Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sát nhập, giải thể, chia tách... có số thuế GTGT nộp thừa thì có quyền đề nghị hoàn thuế.

d) Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

e) Tổ chức cá nhân Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua HHDV tại Việt Nam.

2.6. Kế toán thuế GTGT tại doanh nghiệp.

2.6.1. Nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT.

1- Theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng. Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hóa đơn GTGT.

2- Lập bảng kê thuế hàng tháng, bao gồm:

+Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào

+Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

Căn cứ để lập các bảng kê trên là hóa đơn GTGT

3- Khai thuế phải nộp hàng tháng.

Hàng tháng, kế toán tổng hợp số thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra, xác định số thuế GTGT phải nộp hoặc chưa được khấu trừ, trên cơ sở đó lập tờ

khai thuế GTGT, kèm với bảng kê hóa đơn, chứng từ HHDV mua vào, bán ra để nộp cho cơ quan thuế.

4- Vào sổ kế toán và lập báo cáo thuế.

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT hoặc bảng kê hóa đơn, chứng từ HHDV mua vào, bán ra và các chứng từ gốc như phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... để vào các sổ chi tiết tài khoản 133 và 3331, đến cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ chi tiết để lên sổ cái tài khoản 133 và sổ cái tài khoản 3331 hoặc tổng hợp số liệu trên sổ tổng hợp rồi lên sổ cái. Số liệu trên sổ cái được sử dụng để lên báo cáo thuế hàng năm.

2.6.1.2. Quyền hạn.

- Đề xuất hướng xử lý các trường hợp hóa đơn cần điều chỉnh hoặc thanh hủy theo quy định của Luật thuế hiện hành.
- Nhận xét đánh giá khi có chênh lệch số liệu giữa báo cáo thuế và quyết toán.
- Hướng dẫn kế toán cơ sở thực hiện việc kê khai báo cáo thuế theo đúng quy định.
- Các công tác khác có liên quan đến thuế.

2.6.2. Chứng từ kế toán sử dụng

Các chứng từ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Hóa đơn GTGT
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra
- Tờ khai thuế GTGT
- Quyết toán thuế GTGT
-

Các hóa đơn chứng từ trên đều có mẫu thống nhất của Bộ tài chính, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn có thể đăng ký với cơ quan thuế để tự in hóa đơn theo mẫu của riêng mình cho phù hợp với hoạt động của đơn vị, các hóa đơn mà doanh

nghiệp tự in gọi là hóa đơn đặc thù, không một doanh nghiệp nào giống doanh nghiệp nào.

2.6.3. Tài khoản kế toán sử dụng

Kế toán thuế GTGT được phản ánh trên tài khoản 133 “ thuế GTGT được khấu trừ” và tài khoản 3331 “thuế GTGT phải nộp “ kết cấu của 2 tài khoản này như sau:

2.6.3.1. Tài khoản 133- thuế GTGT được khấu trừ

❖ Nội dung:

Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

TK 133 có 2 tài khoản cấp II:

➤ TK 1331 : thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của HHDV. Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh HHDV chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

➤ TK 1332: thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của TSCĐ. Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi mua sắm TSCĐ dung vào hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm HHDV chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

❖ Kết cấu:

Nợ	TK 133	Có
<p><u>Số dư đầu kỳ:</u> số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ kì trước</p> <p><u>Số phát sinh tăng:</u> Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tăng trong kỳ</p>		<p><u>Số phát sinh giảm:</u> Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ giảm trong kỳ</p> <p style="padding-left: 20px;">+ khấu trừ thuế GTGT</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Hoàn thuế GTGT</p> <p style="padding-left: 20px;">+Phân bổ thuế GTGT</p>
<p><u>Số dư cuối kỳ:</u> số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ đến cuối kỳ</p>		

❖ Nguyên tắc hạch toán:

➤ TK 133 chỉ được sử dụng cho đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

➤ Vật tư, hàng hóa, tài sản mua vào sử dụng đồng thời cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào tài khoản 133 đối với vật tư, hàng hóa mua vào để dùng cho hoạt động chịu thuế GTGT.

Trường hợp không bóc tách được giá trị vật tư hàng hóa sử dụng cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào vẫn được phản ánh vào TK 133, cuối kỳ kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng.

Phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn bán hàng(nếu sản phẩm đã được tiêu thụ hết) hoặc phản ánh vào TK 1421 “chi phí trả trước”.

➤ Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai, khấu trừ với thuế GTGT đầu ra của tháng đó, nếu thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra phải nộp thì khấu trừ theo số nhỏ hơn, số còn lại được khấu trừ tiếp ở kỳ sau. Nếu sau 3 tháng liên tiếp không khấu trừ hết thì Ngân sách sẽ hoàn thuế.

➤ Nếu mua HHDV không có hóa đơn GTGT theo quy định hoặc có hóa đơn nhưng không ghi rõ thuế GTGT hoặc hóa đơn không hợp lệ thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

❖ Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

1. Mua hàng hóa, vật tư, dịch vụ trong nước dùng vào sản xuất kinh doanh HHDV thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 152,153,156,611: giá chưa thuế

Nợ TK 133: thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331: tổng giá thanh toán

2. Khi mua vật tư hàng hóa, dịch vụ dùng ngay vào sản xuất kinh doanh HHDV chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh giá mua thực tế chưa có thuế GTGT đầu vào và tổng giá thanh toán.

Nợ TK 142, 154, 242, 642: giá mua chưa thuế

Nợ TK 133: thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331: tổng giá thanh toán

3. Khi mua hàng hóa giao ngay (chuyển thẳng) cho khách hàng không qua nhập kho kế toán ghi:

Nợ TK 632: giá vốn hàng bán (giá mua chưa thuế)

Nợ TK 133: thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331: tổng giá thanh toán

- Mua TSCĐ không qua lắp đặt chạy thử:

Nợ TK 211: giá mua chưa thuế GTGT

Nợ TK 133(2): thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331: tổng giá thanh toán

- Mua TSCĐ qua lắp đặt chạy thử:

Nợ TK 241: xây dựng cơ bản dở dang (2411, 2412, 2413)

Nợ TK 133(2): thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331: tổng giá thanh toán

4. Khi nhập khẩu vật tư hàng hóa, TSCĐ kế toán phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ nhập khẩu bao gồm tổng số tiền phải thanh toán cho người bán (theo tỷ giá giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế), thuế nhập khẩu và thuế TTĐB phải nộp (nếu có) chi phí vận chuyển... ghi:

Nợ TK 152, 153, 156, 211, 611

Có TK 333(3332, 3333): thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

Có TK 111, 112, 331

➤ Riêng đối với thuế GTGT hàng nhập khẩu phản ánh như sau:

– Nếu hàng nhập khẩu dùng vào SXKD hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì thuế GTGT của hàng nhập khẩu sẽ được khấu trừ ghi:

Nợ TK 133: thuế GTGT được khấu trừ (1331,1332)

Có TK 33312: thuế và các khoản phải nộp nhà nước

– Nếu hàng nhập khẩu dùng vào SXKD hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT phải nộp của hàng nhập khẩu được tính vào giá trị vật tư, hàng hóa mua vào ghi:

Nợ TK 152, 153, 156

Có 111,112,331: giá nhập khẩu

Có 3332(3): thuế nhập khẩu & TTĐB

Có 33312: thuế và các khoản phải nộp nhà nước

5. Đối với vật tư hàng hóa, dịch vụ mua về dùng đồng thời cho sản xuất kinh doanh HHDV thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT nhưng DN không hạch toán riêng được thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

– Khi mua hàng hóa ghi:

Nợ TK 152, 153, 156, 611

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

– Khấu trừ theo tỷ lệ phần trăm % giữa doanh thu hàng chịu thuế so với doanh thu phát sinh trong kỳ, sau khi tính được số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ kế toán ghi:

+ Số thuế được khấu trừ ghi:

Nợ TK 3331

Có TK 133

+ Số thuế không được khấu trừ:

○ Nếu số thuế GTGT không được khấu trừ nhỏ thì tính hết vào giá vốn hàng bán :

Nợ TK 632

Có TK 133

- Nếu số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ lớn thì phân bổ dần:

Nợ TK 142, 242

Có TK 133

Sang kì sau kế toán tiến hành phân bổ vào giá vốn:

Nợ TK 632

Có TK 142, 242

6. Trường hợp hàng hóa mua phải trả lại cho người bán:

- Khi xuất kho trả lại cho người bán:

Nợ TK 331

Có TK 152, 153, 156

Có TK 133

- Trường hợp người bán trả bằng hàng hóa khác:

Nợ TK 152,153,156

Nợ TK 133

Có TK 331

- Trường hợp người bán trả bằng tiền:

Nợ TK 111,112

Có TK 331

7. Khi thanh lý, nhượng bán TSCĐ hữu hình thuộc diện chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phải phản ánh các nội dung sau:

- Phản ánh giá trị hao mòn và giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

Nợ TK 811: giá trị còn lại

Nợ TK 214: giá trị đã hao mòn

Có TK 211: TSCĐ hữu hình

- Căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ liên quan tới thanh lý, nhượng bán:

Nợ TK 811: chi phí khác

Nợ TK 133: thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112,331:

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 911: xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Có TK 811: chi phí khác

8. Trường hợp thuế GTGT của vật tư, hàng hóa, TSCĐ mua vào bị tổn thất chưa xác định được nguyên nhân chờ xử lý thì:

Nợ TK 138: phải thu khác

Có TK 133: thuế GTGT đầu vào

- Trường hợp thuế GTGT của vật tư, hàng hóa, TSCĐ mua vào bị tổn thất đã xác định được nguyên nhân và có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền về số thu bồi thường của các cá nhân, tổ chức, ghi:

Nợ TK 111,334: số thu hồi thường

Nợ TK 632: giá vốn hàng bán (nếu được tính vào chi phí)

Có TK 138,152: phải thu khác

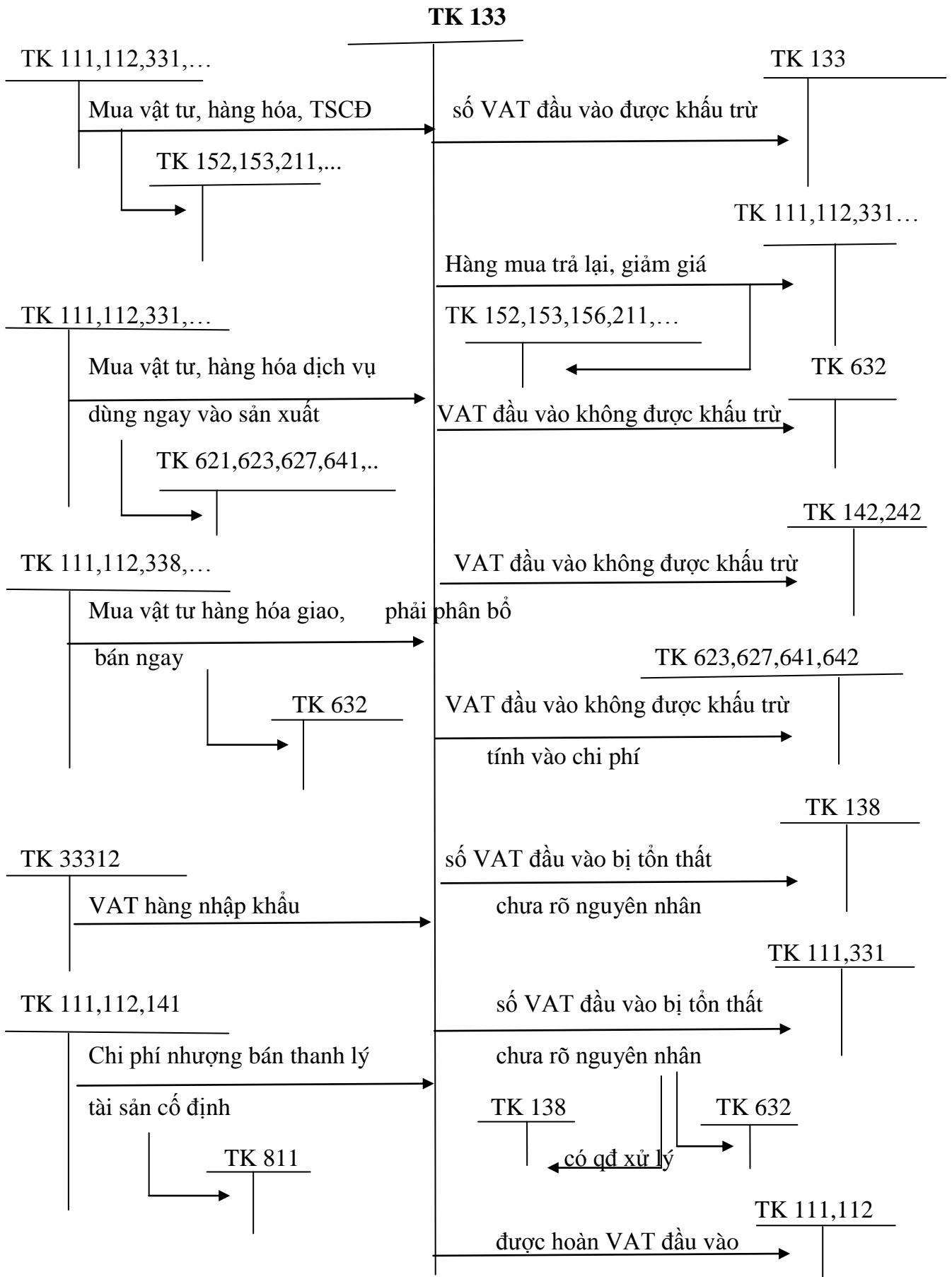
Có TK 133: thuế GTGT được khấu trừ (nếu xác định được nguyên nhân và có quyết định xử lý ngay)

9. Đối với HHDV mua vào để xuất khẩu được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào khi đảm bảo có đủ điều kiện, thủ tục và hồ sơ để khấu trừ hoàn thuế đầu vào theo quy định hiện hành:

Nợ TK 111,112: số thuế GTGT được hoàn

Có TK 133: thuế GTGT được hoàn

Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu vào được thể hiện trên sơ đồ sau:



2.6.3.2. Tài khoản 3331- thuế GTGT phải nộp.

❖ Nội dung

Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT của hàng hóa nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp.

❖ Kết cấu:

Nợ	TK3331	Có
<p><u>Số phát sinh giảm:</u> Số thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ ➢ Số thuế GTGT được miễn giảm ➢ Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN. ➢ Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại 	<p><u>Số phát sinh tăng:</u> Số thuế GTGT đầu ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Số thuế GTGT đầu ra phải nộp trong kỳ của HHDV đã tiêu thụ, HHDV dùng để trao đổi biểu tặng, sử dụng nội bộ, hàng nhập khẩu. ➢ Số thuế GTGT phải nộp của hoạt động tài chính, thu nhập khác. 	
<p><u>Số dư cuối kỳ:</u> Số thuế GTGT đã nộp thừa vào Ngân sách</p>		<p><u>Số dư cuối kỳ:</u> số thuế GTGT còn phải nộp đến cuối kỳ</p>

TK 3331 có 2 tài khoản cấp III:

➢ TK 33311: thuế GTGT đầu ra của HHDV dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và phải nộp của HHDV tiêu thụ trong kỳ.

➢ TK 33312: thuế GTGT phải nộp của hàng nhập khẩu. dùng để phản ánh số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách.

❖ Nguyên tắc hạch toán:

Doanh nghiệp chủ động tính thuế, kê khai thuế phải nộp hàng tháng và nộp thuế đúng thời gian quy định theo thông báo của cơ quan thuế.

❖ Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

1. Khi bán HHDV thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán phản ánh doanh thu bán hàng là tổng số tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ chưa có thuế GTGT và thuế GTGT đầu ra ghi:

Nợ TK 111, 112, 331: tổng giá thanh toán

Có TK 511, 512: Giá chưa thuế GTGT

Có TK 3331 : thuế GTGT phải nộp

2. Khi bán HHDV thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng là tổng giá thanh toán, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112, 131:

Có TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 512: doanh thu nội bộ

3. Đối với hoạt động cho thuê tài sản (hoạt động chính) có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu của từng năm là tổng số tiền cho thuê chia cho số năm cho thuê tài chính.

➤ Khi nhận trước tiền của khách hàng trả trước cho nhiều kỳ, nhiều niên độ kế toán về hoạt động cho thuê tài sản:

Nợ TK 111, 112: tổng số tiền nhận trước

Có TK 3387; doanh thu chưa thực hiện

Có TK 3331: thuế GTGT phải nộp

➤ Đồng thời tính và kết chuyển doanh thu của kỳ kế toán:

Nợ TK 3387: doanh thu nhận trước

Có TK 511: doanh thu bán hàng và CCDV

Sang kỳ sau tính và kết chuyển doanh thu của kỳ kế toán. Ghi:

Nợ TK 3387: doanh thu nhận trước

Có TK 511: doanh thu bán hàng và CCDV

➤ Số tiền phải trả lại cho khách hàng vì hợp đồng CCDV cho thuê tài sản không được thực hiện:

Nợ TK 3337; doanh thu nhận trước

Nợ TK 531: hàng bán bị trả lại (đã ghi nhận doanh thu)

Nợ TK 3331: thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112,131: tổng số tiền trả lại

4. Đối với bán hàng theo phương thức trả góp, kế toán xác định doanh thu bán hàng là giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT ghi:

Nợ TK 111,112,131: tổng số tiền

Có TK 511: doanh thu bán hàng và CCDV

Có TK 3331: thuế GTGT phải nộp

Có TK 3387: lãi trả chậm trả góp

➤ Đồng thời xác định lãi trả chậm cuối kỳ kế toán để kết chuyển:

Nợ TK 3387: doanh thu chưa thực hiện

Có TK 515: doanh thu hoạt động tài chính

➤ Khi thực thu tiền của khách hàng lần sau ghi:

Nợ TK 111,112

Có TK 131: phải thu của khách hàng

5. Đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT sau khi đã bán mà bị khách hàng trả lại, kế toán phản ánh các nội dung:

➤ Doanh thu hàng bán bị trả lại:

Nợ TK 531: hàng bán bị trả lại

Nợ TK 3331: thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112,131

➤ Giá vốn hàng bán bị trả lại:

Nợ TK 155,156

Có TK 632: giá vốn hàng bán

➤ Cuối kỳ kết chuyển số tiền hàng bán bị trả lại sang tài khoản doanh thu:

Nợ TK 511: doanh thu bán hàng và CCDV

Có TK 531: hàng bán bị trả lại

6. Đối với HHDV chịu thuế GTGT khi phát sinh chiết khấu thương mại hay giảm giá hàng bán cho khách hàng mua với số lượng lớn do mua hàng nhiều lần của doanh nghiệp, kế toán ghi:

Nợ TK 521: chiết khấu thương mại

Nợ TK 532: giảm giá hàng bán

Nợ TK 3331: thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112,131

➤ Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán sang tài khoản doanh thu:

Nợ TK 511: doanh thu bán hàng và CCDV

Có TK 521: chiết khấu thương mại

Có TK 532: giảm giá hàng bán

7. Khi xuất hàng:

Nợ TK 111,112,131

Có TK 511

Có TK 3331

➤ Khi nhận được hàng trao đổi, căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu xuất kho, kế toán phản ánh giá trị hàng hóa nhập kho và thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hàng hóa đổi về:

Nợ TK 152,153, 156

Nợ TK 133

Có TK 131

– Trường hợp giá trị hàng hóa và thuế GTGT đầu vào của hàng hóa về lớn hơn giá bán (chưa thuế GTGT) và thuế GTGT của hàng đưa đi đổi, kế toán ghi số tiền phải trả:

Nợ TK 131

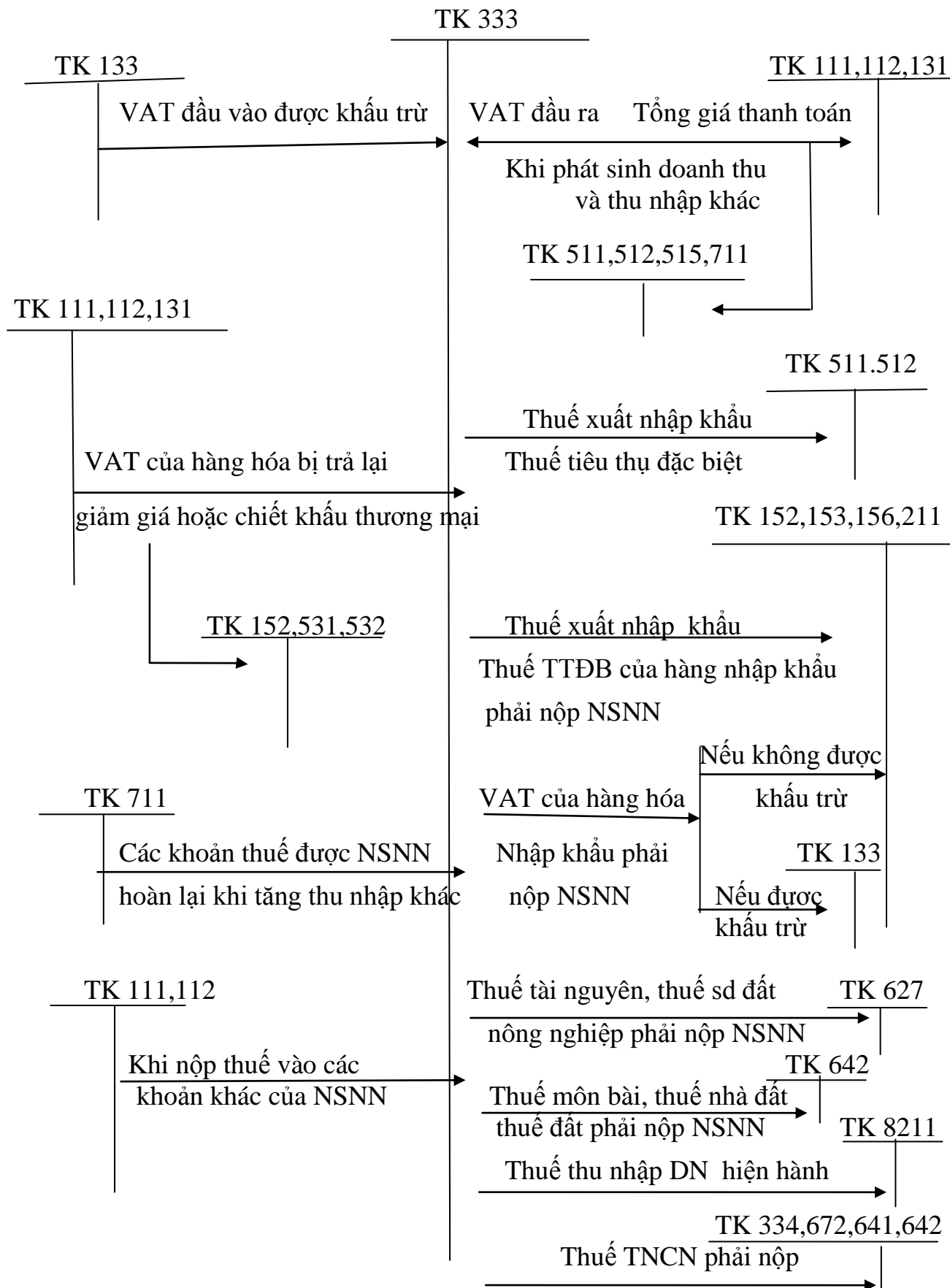
Có TK 111,112

– Trường hợp giá trị hàng hóa và thuế GTGT đầu vào của hàng hóa về nhỏ hơn giá bán (chưa thuế GTGT) và thuế GTGT của hàng đưa đi đổi, khi khách hàng trả tiền thêm;

Nợ TK 111,112

Có TK 131

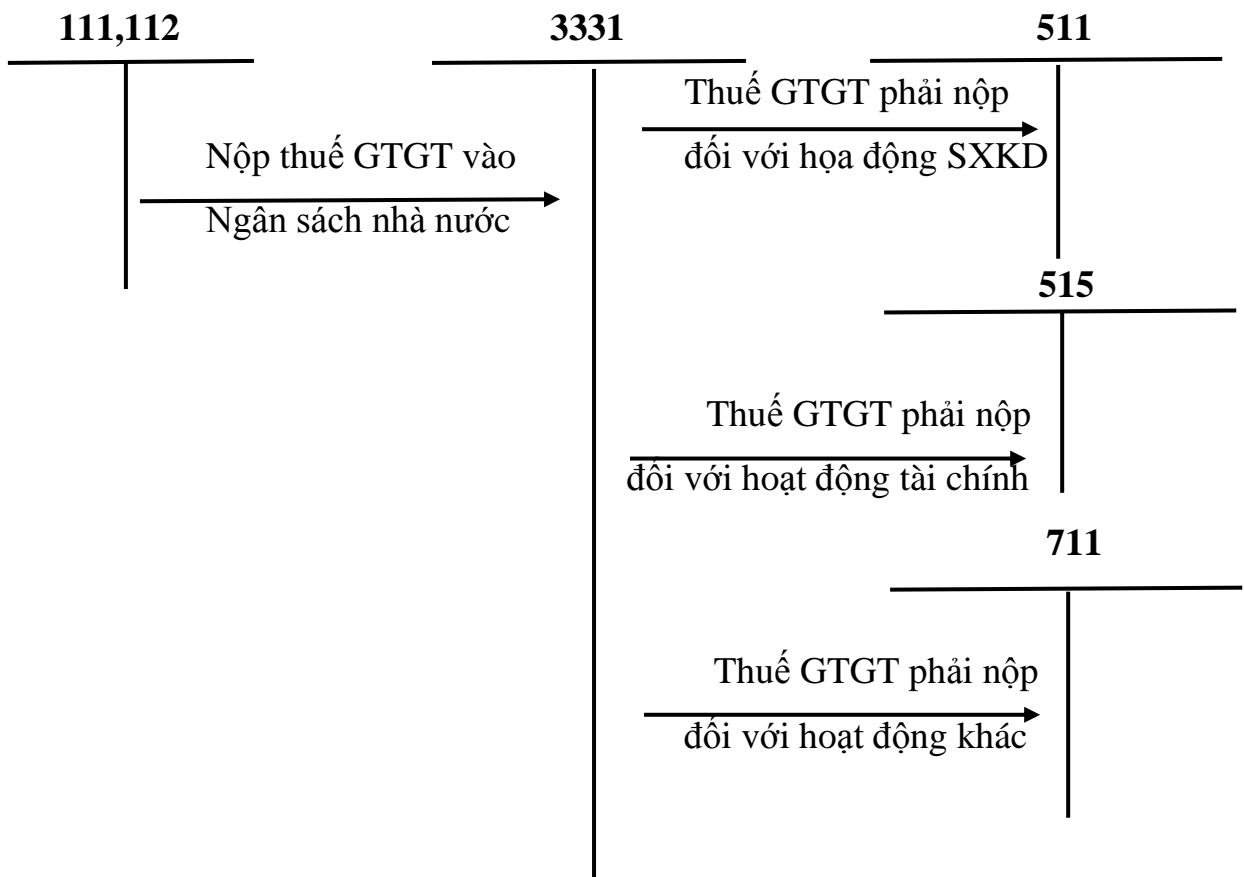
Sơ đồ 1.2: Quá trình hạch toán thuế GTGT đầu ra được thể hiện trên sơ đồ sau:



➔ Đơn vị nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

Quá trình hạch toán vẫn thực hiện như đối với phương pháp thuế trừ thuế nhưng trong quá trình hạch toán không xuất hiện TK 133 và TK 33311 do đó giá trị hàng hóa phản ánh trên các tài khoản 156,151,157,511,512,515, 711...là giá đã có thuế GTGT.

1.3.Cuối kỳ sau khi xác định số thuế phải nộp, kế toán hạch toán theo sơ đồ:



PHẦN II

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT TẠI CÔNG TY
TNHH THANH TUẤN**

I. Giới thiệu khái quát về công ty TNHH Thanh Tuấn

1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

Tên công ty viết đầy đủ: Công ty TNHH Thanh Tuấn

Tên công ty viết bằng tiếng Anh: THANH TUAN COMPANY LIMITED

Tên viết tắt: THANH TUAN CO.LTD

Loại hình: công ty TNHH Thanh Tuấn

Địa chỉ: số 76, đường 352, xã Mỹ Đông, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Số đăng ký: 0200600903 do phòng ĐKKD Sở KH-ĐT Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 8 năm 2004

Người đại diện: Nguyễn Văn Tuấn

Điện thoại: 031.873541

Fax: 0313.873541

Vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng

Công ty TNHH Thanh Tuấn là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có quyền và nghĩa vụ dân sự theo luật định. Hạch toán kế toán độc lập, có tài khoản bằng tiền Việt Nam đồng tại ngân hàng VP Bank và ngân hàng Công thương Việt Nam Vietin bank và hoạt động theo điều lệ của công ty.

1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.2.1. Hình thức pháp lý:

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH

Hình thức sở hữu vốn: vốn vay và vốn tự có

1.2.2. Đặc điểm kinh doanh của Công ty .

- Công ty TNHH Thanh Tuấn hoạt động trong nhiều lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Mặt hàng chủ yếu là kinh doanh các loại than.

Công ty luôn coi chất lượng sản phẩm, dịch vụ là nền tảng cho sự lớn mạnh của công ty. Để làm được điều đó ban lãnh đạo công ty đã không ngừng đầu tư các phương tiện hiện đại để đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, kịp thời đảm bảo chất lượng trong mọi hoàn cảnh. Chính nhờ có chiến lược phát triển rõ ràng mà hiện nay công ty đã xây dựng cho mình một thương hiệu có uy tín trên thương trường.

1.2.3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty.

❖ Nhiệm vụ và quyền hạn:

➤ Công ty TNHH Thanh Tuấn là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ của mình và được pháp luật bảo vệ, có chức năng và nhiệm vụ sau:

➤ Kinh doanh theo đúng ngành nghề đăng ký, đúng mục đích thành lập công ty.

➤ Tuân thủ chính sách, chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý quá trình thực hiện sản xuất, tuân thủ những quy định trong Hợp đồng kinh doanh với bạn hàng.

➤ Quản lý sử dụng vốn theo đúng quy định, và đảm bảo có lãi.

➤ Thực hiện việc nghiên cứu, phát triển nhằm nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường.

➤ Chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

➤ Thực hiện những quyết định của nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người lao động, vệ sinh – an toàn lao động, bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện đúng những tiêu chuẩn kỹ thuật mà công ty áp dụng như những quy định có liên quan tới hoạt động của công ty.

❖ Để phát triển tính chủ động trong hoạt động kinh doanh, công ty có quyền hạn sau:

➤ Được chủ động đàm phán, ký kết và thực hiện những hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tham gia hoạt động nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh như: quảng cáo, mở đại lý bán hàng...
- Hoạt động theo chế độ hạch toán kế toán độc lập, tự chủ về tài chính, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng tại Ngân hàng.

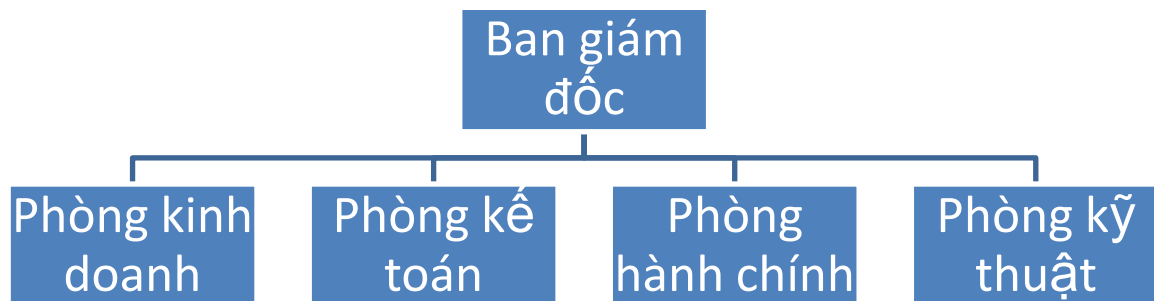
1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.

Công ty TNHH Thanh Tuấn được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, với bộ máy tổ chức quản lý tương đối gọn nhẹ và hoạt động khá hiệu quả.

Bộ máy quản lý của công ty được thiết kế theo mô hình này phát huy được tác dụng rõ ràng mối quan hệ quyền hạn giữa các bộ phận quản trị và cơ chế áp dụng trong môi trường với nhiều yếu tố bất ổn

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty gồm:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty:



– Giám đốc: là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty. Do có quyền quyết định cao nhất lên giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật.

– Phòng kinh doanh: giữ vai trò là giao dịch viên. Chuyên đi xây dựng hình ảnh cho công ty và tạo đơn đặt hàng cho công ty, với đội ngũ nhân viên trẻ năng động, nhiệt huyết với công việc.

– Phòng hành chính: nhiệm vụ của phòng hành chính là xây dựng hoàn thiện các quy chế quy trình quản lý tài chính, các quy định chính sách của công ty.

– Phòng kỹ thuật: có chức năng định chiến lược phát triển khoa học công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ mới, nâng cấp hoặc thay thế máy móc thiết bị hiện đại có tính kinh tế cao, tham gia giám sát các hoạt động đầu tư về máy móc, thiết bị của công ty và các công trình đầu tư xây dựng cơ bản...

– Phòng kế toán: phòng kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo được sự hợp lý và hiệu quả trong việc cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin liên quan đến tài chính, kinh tế cho ban giám đốc. Phòng kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức bộ máy kế toán TẬP TRUNG, chỉ có một phòng kế toán duy nhất chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kế toán của công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng.

Ngoài ra phòng kế toán còn phải phân tích hoạt động kinh tế, nhằm tham mưu cho giám đốc nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh và đề ra những biện pháp quản lý kịp thời.

1.4. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.

Công ty TNHH Thanh Tuấn là một doanh nghiệp có hệ thống kế toán độc lập, mô hình tổ chức tập trung.

Niên độ kế toán: từ 01/01 đến 31/12 năm báo cáo

Đơn vị tiền tệ sử dụng: ĐVN

Hình thức kế toán áp dụng: hình thức nhật ký chung.

➤ Chức năng nhiệm vụ của PKT:

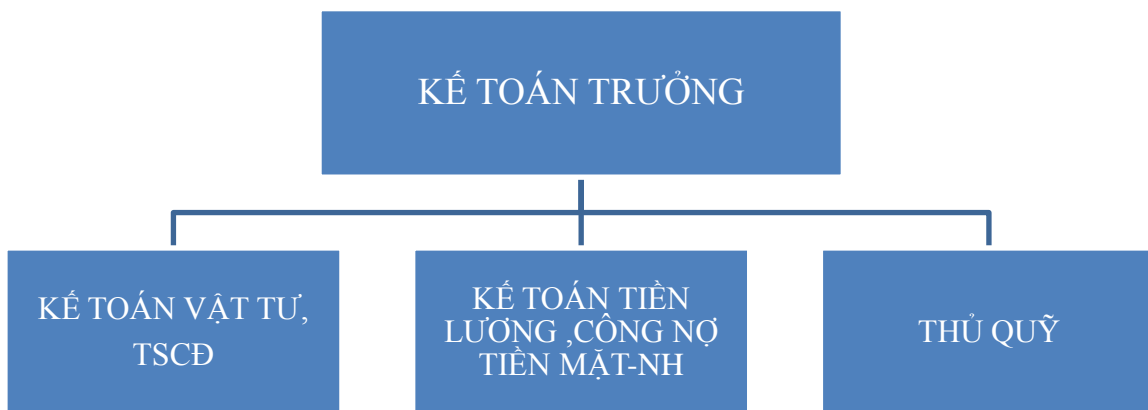
Theo dõi các hoạt động tài chính của doanh nghiệp, tập hợp phản ánh các khoản thu chi trong công ty, kiểm tra chứng từ xuất nhập NVL. Báo cáo giám đốc kịp thời các biến động của tài sản, quản lý việc tính toán và kiểm tra chỉ tiêu của các quỹ tiền mặt, tiền lương, tiền thưởng và các khoản phụ cấp cho CBCNV bằng tiền mặt, đơn đốc thu các khoản nợ, theo dõi việc dùng TSCĐ, TSLĐ, vốn lưu động, tính KH TSCĐ. Định kỳ tiến hành phân tích hoạt động kinh tế của công ty, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, lập BCTC.

➤ Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, nghĩa là phòng tài vụ của công ty cũng là phòng KT, thực hiện toàn bộ công tác kế toán tài chính của Công ty từ xử lý chứng từ, ghi sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết đến việc lập BCTC.

Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

2.2.Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán



➤ Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm kế toán tổng hợp cuối cùng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kiểm tra so sánh đối chiếu các chứng từ do các kế toán viên cung cấp, Lập báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty, tổ chức điều hành công tác kế toán của công ty, cơ quan thuế. Đôn đốc giám sát và kiểm tra công việc do kế toán viên thực hiện.

➤ Kế toán vật tư, TSCĐ: chịu trách nhiệm quản lý, thống kê theo dõi số lượng vật tư nhập xuất dung. Đồng thời chịu trách nhiệm quản lý, kiểm kê theo dõi tình trạng của TSCĐ. Tính toán và phân bổ khấu hao TSCĐ vào các khoản chi phí.

➤ Kế toán tiền lương công nợ tiền mặt, ngân hàng: thanh toán các khoản lương, phụ cấp cho CBCNV, trích trả các khoản BHXH, BHYT của công nhân theo chế độ. Đồng thời kế toán viên này còn chịu trách nhiệm theo dõi công nợ của công ty, thực hiện ghi chép và đối chiếu thu chi, tồn quỹ tiền mặt. chịu trách nhiệm liên hệ

với ngân hàng mà công ty có mở tài khoản, thực hiện các nghiệp vụ liên quan tới ngân hàng.

➤ Thủ quỹ: làm nhiệm vụ bảo quản trông nom quỹ, thường xuyên kiểm tra quỹ.

1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty và sơ đồ luân chuyển chứng từ.

1.5.1. Chế độ kế toán áp dụng.

1. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2. Niên độ kế toán: niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 hằng năm.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán: đồng Việt Nam(VND).

4. Hình thức sổ kế toán áp dụng: sổ nhật ký chung.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp: kê khai thường xuyên.

- Khấu hao TSCĐ theo phương pháp: đường thẳng

6. Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

7. Hình thức kế toán: nhật ký chung

1.5.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Căn cứ số liệu ghi trên nhật ký chung, kế toán phản ánh các số liệu đó vào sổ cái tài khoản có liên quan.

Đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ chi tiết tài khoản.

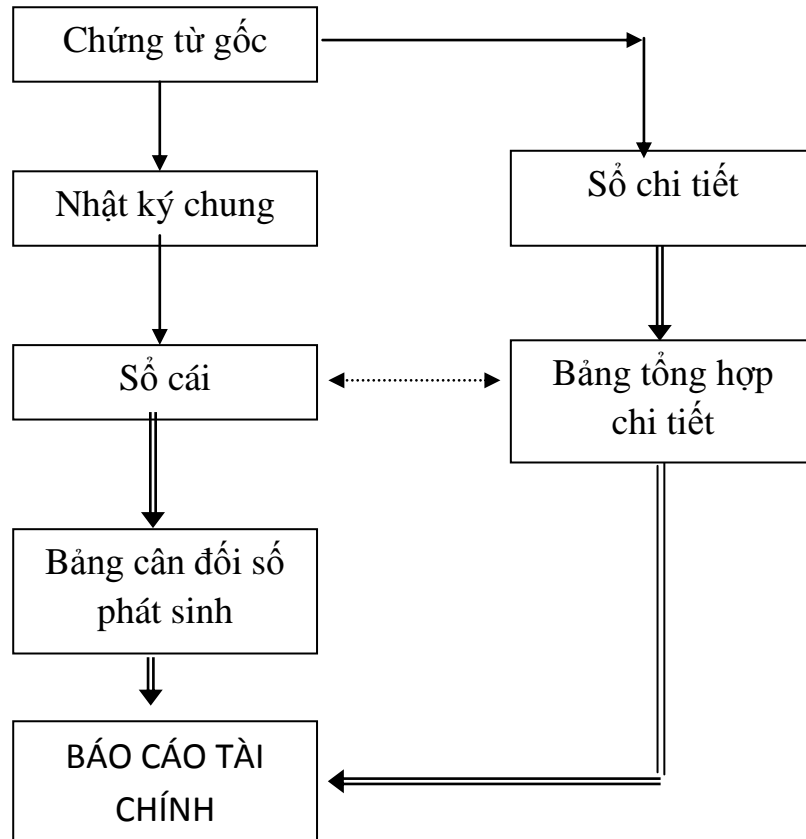
Cuối tháng tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết làm căn cứ lập sổ tổng hợp chi tiết.

Cùng với đó tại thời điểm cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết.

Để đảm bảo chính xác về mặt số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối kỳ, kế toán cân đối tài khoản làm căn cứ để làm BCTC.

2.3.Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

II. Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thanh Tuấn.

2.1. Phương pháp tính thuế và thuế suất áp dụng

➤ **Các mức thuế suất áp dụng:**

Mức thuế suất 10%

Đây là mức thuế suất được áp dụng với các mặt hàng của công ty

- Đối với hàng hóa dịch vụ mua vào: than cục.
- Đối với hàng hóa dịch vụ bán ra: than cục.

➤ **Phương pháp tính thuế:**

Công ty TNHH Thanh Tuấn áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

2.2. Hạch toán ban đầu.

Công ty thực hiện đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định của nhà nước.

- Hóa đơn mẫu số 01 GTKT gồm 3 liên:
 - + Liên 1: Lưu
 - + Liên 2: Giao cho khách hàng
 - + Liên 3: Dùng thanh toán

Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01 GTGT.

- Bảng kê hóa đơn chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào và bán ra theo mẫu quy định của Bộ tài chính và các hóa đơn đặc thù khác.
- Số thuế GTGT phải nộp hàng kỳ của công ty được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT đầu} \\ \text{ra} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT đầu} \\ \text{vào được khấu trừ} \end{array}$$

Trong đó:

- Số thuế GTGT đầu ra bằng tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn GTGT
- Thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT bằng giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân(x) với thuế suất thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đó.
- Thuế GTGT đầu vào bằng(=) tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

2.2.1. Chứng từ đầu vào.

Ví dụ:

- 1) Ngày 01/12/2011: hóa đơn GTGT số 0028264 do công ty CP kinh doanh than miền Bắc cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán than cục cho công ty TNHH Thanh Tuấn, với giá chưa thuế VAT là 57.750.000 VNĐ, thuế suất 10%.
- 2) Ngày 9/12/2011: hóa đơn GTGT số 0029286 do công ty CP kinh doanh than miền Bắc cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán than cục cho công ty TNHH Thanh Tuấn, , với giá chưa thuế VAT là 77.000.000 VNĐ, thuế suất 10%.
- 3) Ngày 15/12/2011: hóa đơn GTGT số 0029309 do công ty CP kinh doanh than miền Bắc cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán than cục cho công ty TNHH Thanh Tuấn, với giá chưa thuế VAT là 77.000.000 VNĐ, thuế suất 10%.
- 4) Ngày 17/12/2011:hóa đơn GTGT số 0029333 do công ty CP kinh doanh than miền Bắc cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán than cục cho công ty TNHH Thanh Tuấn, với giá chưa thuế VAT là 115.500.000 VNĐ, thuế suất 10%.
- 5) Ngày 22/12/2011: hóa đơn GTGT số 0029351 do do công ty CP kinh doanh than miền Bắc cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán than cục cho công ty TNHH Thanh Tuấn, với giá chưa thuế VAT là 96.250.000 VNĐ, thuế suất 10%.

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 (Dùng cho thị trường nội địa-
 Các hộ sử dụng khác)
 Liên 2: Giao người mua
 Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01 GTKT3/008
 Ký hiệu: AA/11P
 Số: 0028264

Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY KINH DOANH THAN HẢI PHÒNG				
Mã số thuế:	CN CTY CP KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN				
Địa chỉ:					
Số tài khoản:	105 Trần Phú – Ngô Quyền – Hải Phòng				
Điện thoại:	MST: 0100100680002				
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thanh Tuấn					
Địa chỉ: Mỹ Đông – Thủy Nguyên – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: chuyển khoản			Mã số thuế:0200600903		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 =4x5
1)	Than cục	Tấn	15,00	3.850.000	57.750.000
Cộng tiền hàng:				57.750.000	
Thuế suất: 10%		Tiền thuế GTGT:		5.775.000	
Tổng cộng tiền thanh toán: 63.525.000					
Số tiền viết bằng chữ: sáu mươi ba triệu năm trăm hai mươi năm nghìn đồng					
Người mua hàng	người bán hàng	kế toán trưởng	thủ trưởng đơn vị		
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)		

GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(Dùng cho thị trường nội địa-
Các hộ sử dụng khác)

Ký hiệu: AA/11P

Số: 0029286

Liên 2: Giao người mua

Ngày 09 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY KINH DOANH THAN HẢI PHÒNG
Mã số thuế:	
Địa chỉ:	CN CTY CP KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN
Số tài khoản:	105 Trần Phú – Ngô Quyền – Hải Phòng
Điện thoại:	MST: 0100100680002.

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thanh Tuấn

Địa chỉ: Mỹ Đông – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

Mã số thuế: 0200600903

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
1)	Than cục	Tấn	20,00	3.850.000	77.000.000

Cộng tiền hàng: 77.000.000

Thuế suất: 10%

Tiền thuế GTGT: 7.700.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 84.700.000

Số tiền viết bằng chữ: *tám mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn./*

Người mua hàng	người bán hàng	kế toán trưởng	thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT3/008

GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(Dùng cho thị trường nội địa-
Các hộ sử dụng khác)

Ký hiệu: AA/11P

Số: 0029309

Liên 2: Giao người mua

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY KINH DOANH THAN HẢI PHÒNG
Mã số thuế:	
Địa chỉ:	CN CTY CP KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN
Số tài khoản:	105 Trần Phú – Ngô Quyền – Hải Phòng
Điện thoại:	MST: 0100100680002.

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thanh Tuấn

Địa chỉ: Mỹ Đông – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

Mã số thuế: 0200600903

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
1)	Than cục	Tấn	20,00	3.850.000	77.000.000

Cộng tiền hàng: 77.000.000

Thuế suất: 10%

Tiền thuế GTGT: 7.700.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 84.700.000

Số tiền viết bằng chữ: *tám mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn./*

Người mua hàng	người bán hàng	kế toán trưởng	thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 (Dùng cho thị trường nội địa-
 Các hộ sử dụng khác)
 Liên 2: Giao người mua

Mẫu số: 01 GTKT3/008

Ký hiệu: AA/11P

Số: 0029333

Ngày 17 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY KINH DOANH THAN HẢI PHÒNG
Mã số thuế:	
Địa chỉ:	CN CTY CP KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN
Số tài khoản:	105 Trần Phú – Ngô Quyền – Hải Phòng
Điện thoại:	MST: 0100100680002

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thanh Tuấn

Địa chỉ: Mỹ Đông – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

Mã số thuế: 0200600903

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 =4x5
1)	Than cục	Tấn	30,00	3.850.000	115.500.000

Cộng tiền hàng: 115.500.000

Thuế suất: 10%

Tiền thuế GTGT:

11.550.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 127.500.000

Số tiền viết bằng chữ: *một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./*

Người mua hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

người bán hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên)

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 (Dùng cho thị trường nội địa-
 Các hộ sử dụng khác)
 Liên 2: Giao người mua

Mẫu số: 01 GTKT3/008

Ký hiệu: AA/11P

Số: 0029351

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY KINH DOANH THAN HẢI PHÒNG				
Mã số thuế:				
Địa chỉ:	CN CTY CP KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN				
Số tài khoản:	105 Trần Phú – Ngô Quyền – Hải Phòng				
Điện thoại:	MST: 0100100680002				
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thanh Tuấn					
Địa chỉ: Mỹ Đông – Thủy Nguyên – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: chuyển khoản					
Mã số thuế: 0200600903					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 =4x5
1)	Than cục	Tấn	25,00	3.850.000	96.250.000
Cộng tiền hàng:				96.250.000	
Thuế suất: 10%			Tiền thuế GTGT: 9.625.000		
Tổng cộng tiền thanh toán: 105.875.000					
Số tiền viết bằng chữ: <i>một trăm lẻ năm triệu tám trăm bảy mươi năm nghìn đồng chẵn./</i>					
Người mua hàng	người bán hàng	kế toán trưởng	thủ trưởng đơn vị		
<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(ký ghi rõ họ tên)</i>		

Công ty TNHH Thanh Tuấn
Số 76-352- Mỹ Đồng-TN-HP

Mẫu số S03a-DNN
Ban hành theo QĐ48/2006-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang			
0028264	01/12	Mua than	156 133 1121	57.750.000 5.775.000	63.525.000
0029286	09/12	Mua than	156 133 1121	77.000.000 7.700.000	84.700.000
0029309	15/12	Mua than	156 133 1121	77.000.000 7.700.000	84.700.000
0029333	17/12	Mua than	156 133 1121	115.500.000 11.550.000	127.500.000
0029351	22/12	Mua than	156 133 1121	96.250.000 9.625.000	105.875.000
				
		Cộng số phát sinh		3.656.777.265	3.656.777.265

Ngày 31 Tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ
(ký ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Thanh Tuấn
Số 76-352- Mỹ Đông-TN-HP

Mẫu số S03b-DNN
Ban hành theo QĐ48/2006-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 133 : Thuế GTGT được khấu trừ

Năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		28.037.780	
			Số phát sinh			
01/12	01/12	0028264	Mua hàng hóa	1121	5.775.000	
09/12	09/12	0029286	Mua hàng hóa	1121	7.700.000	
15/12	15/12	0029309	Mua hàng hóa	1121	7.700.000	
17/12	17/12	0029333	Mua hàng hóa	1121	11.550.000	
22/12	22/12	0029351	Mua hàng hóa	1121	9.625.000	
					
31/12	31/12		Khấu trừ thuế GTGT	333		55.202.400
			Cộng số phát sinh		38.592.244	55.202.400
			Số dư cuối kỳ		11.430.604	

Kế toán ghi sổ
(ký ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Thanh Tuấn
Số 76-352- Mỹ Đồng-TN-HP

Mẫu số S20-DN
Ban hành theo QĐ48/2006-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 133 – thuế GTGT được khấu trừ
Từ ngày 01/12/2011 đến 31/12/2012

Số dư đầu kỳ: 28.037.780

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số	ngày				Nợ	Có
01/12	0028264	01/12	Công ty TNHH Thanh Tuấn	Mua than	1121	5.775.000	
09/12	0029286	09/12	Công ty TNHH Thanh Tuấn	Mua than	1121	7.700.000	
15/12	0029309	15/12	Công ty TNHH Thanh Tuấn	Mua than	1121	7.700.000	
17/12	0029333	17/12	Công ty TNHH Thanh Tuấn	Mua than	1121	11.550.000	
22/12	0029351	22/12	Công ty TNHH Thanh Tuấn	Mua than	1121	9.625.000	
						
31/12		31/12	K/c bù trừ thuế GTGT đầu vào, đầu ra		333		55.202.400

Tổng phát sinh nợ: 38.592.244

Tổng phát sinh có: 55.202.400

Số dư cuối kỳ: 11.430.604

2.2.2. Chứng từ đầu ra.

Ví dụ:

- 1) Ngày 02/12/2011 hóa đơn GTGT số 0000009 do công ty TNHH Thanh Tuấn cung cấp cho công ty TNHH cơ khí Trung Anh. Nội dung hóa đơn là xuất bán than cục, với giá chưa thuế VAT 238.000.000 VNĐ, thuế suất 10%.*
- 2) Ngày 05/12/2011 hóa đơn GTGT số 0000010 do công ty TNHH Thanh Tuấn cung cấp cho công ty TNHH cơ khí đúc Thanh Châm. Nội dung hóa đơn là xuất bán than cục, với giá chưa thuế VAT 17.340.000 VNĐ, thuế suất 10%.*
- 3) Ngày 08/12/2011 hóa đơn GTGT số 0000011 do công ty TNHH Thanh Tuấn cung cấp cho công ty cổ phần cơ khí Đúc hợp kim Phương Mỹ. Nội dung hóa đơn là xuất bán than cục, với giá chưa thuế VAT 17.000.000 VNĐ, thuế suất 10%.*
- 4) Ngày 24/12/2011 hóa đơn GTGT số 0000013 do công ty TNHH Thanh Tuấn cung cấp cho công ty cổ phần xây lắp và cơ khí cầu đường. Nội dung hóa đơn là xuất bán than cục, với giá chưa thuế VAT 160.004.000 VNĐ, thuế suất 10%.*
- 5) Ngày 28/12/2011 hóa đơn GTGT số 0000016 do công ty TNHH Thanh Tuấn cung cấp cho công ty TNHH Cơ khí và thương mại Hùng Phát. Nội dung hóa đơn là xuất bán than cục, với giá chưa thuế VAT 68.000.000 VNĐ, thuế suất 10%.*

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: nội bộ

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/11P

Số: 0000009

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THANH TUẤN					
Mã số thuế: 0200600903.....					
Địa chỉ: số 76 đường 352, xã Mỹ Đông, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng...					
Điện thoại: 0313.873547.....Fax: 0313.873547.....					
Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Trung Anh.....					
Mã số thuế: 0200662610.....					
Địa chỉ: Mỹ Đông –Thủy Nguyên- Hải Phòng.....					
Hình thức thanh toán: CK.....Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
1)	Than cục	Tấn	70	3.400.000	238.000.000
Cộng tiền hàng:					238.000.000
Thuế suất : 10% tiền thuế GTGT:					23.800.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					261.800.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>hai trăm sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng chẵn./</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)	

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: nội bộ
Ngày 05 tháng 12 năm 2011

Mẫu số:
01GTKT3/001
Ký hiệu:AA/11P
Số: 0000010

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THANH TUẤN					
Mã số thuế: 0200600903.....					
Địa chỉ: số 76 đường 352, xã Mỹ Đông, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng....					
Điện thoại: 0313.873547.....Fax: 0313.873547.....					
Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Đức Thanh Châm.....					
Mã số thuế: 0200820680.....					
Địa chỉ: Mỹ Đông –Thủy Nguyên- Hải Phòng.....					
Hình thức thanh toán: TM.....Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
1)	Than cục	Kg	5100	3.400	17.340.000
Cộng tiền hàng:					17.340.000
Thuế suất : 10%			tiền thuế GTGT:		1.734.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.074.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>mười chín triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn đồng chẵn./</i>					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: nội bộ

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/11P

Số: 0000011

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THANH TUẤN					
Mã số thuế: 0200600903.....					
Địa chỉ: số 76 đường 352, xã Mỹ Đông, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng.....					
Điện thoại: 0313.873547.....Fax: 0313.873547.....					
Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần cơ khí Đúc hợp kim Phương Mỹ.....					
Mã số thuế: 0200662610.....					
Địa chỉ: Mỹ Đông –Thủy Nguyên- Hải Phòng.....					
Hình thức thanh toán: CK.....Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
1)	Than cục	Kg	5000	3.400.000	17.000.000
Cộng tiền hàng:					17.000.000
Thuế suất : 10%			tiền thuế GTGT:		1.700.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					18.700.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>mười tám triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn./</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: nội bộ

Ngày 24 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/11P

Số: 0000013

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THANH TUẤN					
Mã số thuế: 0200600903.....					
Địa chỉ: số 76 đường 352, xã Mỹ Đông, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng...					
Điện thoại: 0313.873547.....Fax: 0313.873547.....					
Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng: Đặng Xuân Hóa.....					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần xây lắp và cơ khí cầu đường.....					
Mã số thuế: 0100104891.....					
Địa chỉ: 460 Trần Quý Cáp – Hà Nội.....					
Hình thức thanh toán: CK.....Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
1)	Than cục	Kg	47.060	3.400	160.004.000
Cộng tiền hàng:					160.004.000
Thuế suất : 10%		tiền thuế GTGT:			16.000.400
Tổng cộng tiền thanh toán:					176.004.400
Số tiền viết bằng chữ: <i>một trăm bảy sáu triệu không trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm đồng chẵn./</i>					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	

Công ty TNHH Thanh Tuấn
Số 76-352- Mỹ Đông-TN-HP

Mẫu số S03a-DNN
Ban hành theo QĐ48/2006-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang			
0028264	01/12	Mua than	156 133 1121	57.750.000 5.775.000	63.525.000
0000009	02/12	Bán than cho công ty TNHH Trung Anh	511 3331 1121	238.000.000 23.800.000	261.800.000
0000010	05/12	Bán than cho công ty TNHH đúc cơ khí Thanh Châm	511 3331 111	17.340.000 1.734.000	19.074.000
0000011	08/12	Bán than cho công ty cơ khí đúc hợp kim Phương Mỹ	511 3331 111	17.000.000 1.700.000	18.700.000
0029286	09/12	Mua than	156 133 1121	77.000.000 7.700.000	84.700.000
0029309	15/12	Mua than	156 133 1121	77.000.000 7.700.000	84.700.000
0029333	17/12	Mua than	156	115.500.000	

			133	11.550.000	
			1121		127.500.000
0029351	22/12	Mua than	156	96.250.000	
			133	9.625.000	
			1121		105.875.000
0000013	24/12	Bán than cho công ty cổ phần xây lắp và cơ khí cầu đường	511	160.004.000	
			3331	16.000.400	
			1121		176.004.400
0000016	28/12	Bán than cho công ty TNHH cơ khí và thương mại Hùng Phát	511	68.000.000	
			3331	6.800.000	
			1121		74.800.000
				
	31/12	K/c thuế GTGT đầu vào, đầu ra	3331	55.202.400	
			133		55.202.400
		Cộng số phát sinh		3.656.777.265	3.656.777.265

Ngày 31 Tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký ghi rõ họ tên)

Số 76-352- Mỹ Đông-TN-HP

Ban hành theo QĐ48/2006-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản 333 : Thuế phải nộp

Năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
02/12	02/12	0000009	Xuất than cục cho công ty TNHH trung Anh	1121		23.800.000
05/12	05/12	0000010	Xuất than cục cho cty TNHH cơ khí đúc Thanh Châm	1111		1.734.000
08/12	08/12	0000011	Xuất than cục cho cty CP cơ khí đúc hợp kim Phương Mỹ	1111		1.700.000
					
24/12	24/12	0000013	Xuất than cục cho Cty CP xây lắp và cơ khí cầu đường	1121		16.000.400
28/12	28/12	0000016	Xuất than cục	1121		6.800.000

			cho cty TNHH cơ khí và thương mại Hùng Phát			
31/12	31/12		K/c bù trừ thuế GTGT đầu vào,ra	1331	55.202.400	
			Cộng số phát sinh		55.202.400	55.202.400
			Số dư cuối kỳ			

Kế toán ghi sổ*(ký ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(ký ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(ký ghi rõ họ tên)*

Công ty TNHH Thanh Tuấn
Số 76-352- Mỹ Đồng-TN-HP

Mẫu số S20-DN
Ban hành theo QĐ48/2006-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ chi tiết tài khoản
Tài khoản: 333 – thuế phải nộp
Từ ngày 01/12/2011 đến 31/12/2012

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số	ngày				Nợ	Có
02/12	0000009	02/12	Xuất than cục cho công ty TNHH trung Anh	Bán than	1121		23.800.000
05/12	0000010	05/12	Xuất than cục cho cty TNHH cơ khí đúc Thanh Châm	Bán than	1111		1.734.000
08/12	0000011	08/12	Xuất than cục cho cty CP cơ khí đúc hợp kim Phương Mỹ	Bán than	1111		1.700.000
24/12	0000013	24/12	Xuất than cục cho Cty CP xây lắp và cơ khí cầu đường	Bán than	1121		16.000.400
28/12	0000016	28/12	Xuất than cục cho cty TNHH cơ khí và thương mại Hùng Phát	Bán than	1121		6.800.000

						
31/12		31/12	K/c bù trừ thuế GTGT đầu vào , đầu ra		1331	55.202.400	

Tổng phát sinh nợ: 55.202.400

Tổng phát sinh có: 55.202.400

Số dư cuối kì: 0

2.3. Quy trình lập tờ khai thuế GTGT.

Hiện nay công ty đang sử dụng phần mềm : “Hỗ trợ kê khai thuế” do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp miễn phí cho các tổ chức cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế .

Phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế” cung cấp cho Công ty các chức năng sau:

- Lập tờ khai thuế và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lục kê khai theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật thuế.
- Các nội dung hướng dẫn việc tính thuế, khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp kê khai thuế một cách chính xác và nhanh chóng.

Phần mềm này được xây dựng trên cơ sở công nghệ mã vạch 2 chiều (mã hóa thông tin thành các mã vạch) sẽ kết xuất và in các tờ khai thuế có mã vạch để doanh nghiệp gửi tờ khai đó cho cơ quan thuế. Thông qua các mã vạch đã mã hoá thông tin trên tờ khai, cơ quan thuế đảm bảo sẽ ghi nhận, xử lý thông tin kê khai của tổ chức cá nhân nộp thuế đầy đủ, chính xác và nhanh chóng.

Sau khi kê khai, cơ sở kinh doanh cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, kí tên , đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành (in thành 3 bộ, cơ quan thuế sẽ lưu giữ lại 2 bộ, bộ còn lại sẽ lưu giữ tại công ty để phục vụ công tác thanh tra kiểm tra sau này).

Hiện nay do yêu cầu của cơ quan thuế, công ty dùng phần mềm Hỗ trợ kê khai thuế phiên bản 3.0.1.

Dưới đây là giới thiệu sơ bộ khi sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai:

Sau khi bật phần mềm lên, một giao diện xuất hiện như sau:



Kế toán sẽ điền mã số thuế của công ty vào phần “mã số thuế”. Sau đó kích chuột vào chữ “đồng ý”.

Nếu như là lần đầu tiên sử dụng phần mềm kế toán chọn mục “Hệ thống”, chọn “Thông tin doanh nghiệp/người nộp thuế”, kế toán sẽ thấy giao diện như sau:

The screenshot shows a software window titled "Thông tin chung về người nộp thuế". It contains the following fields and values:

- Mã số thuế: 0 2 0 0 6 0 0 9 0 3 -
- Người nộp thuế: * Công ty TNHH Thanh Tuấn
- Địa chỉ trụ sở: * số 76 đường 352, xa My Đông, huyện Thủy Nguyên, tp Hai Phong
- Quận/ huyện: * Thủy Nguyên
- Tỉnh/ Thành phố: * Hai Phong
- Điện thoại: 031.3873541
- Fax: 031.3873541
- Email:
- Ngành nghề kinh doanh:
- Số TK ngân hàng:
- Ngày bắt đầu năm tài chính (dd/mm): * 01/01
- Người ký tờ khai:
- Cơ quan thuế cấp Cục: * HPH - Cục Thuế TP Hải Phòng (dropdown) 10300 (dropdown)
- Cơ quan thuế quản lý: * Chi cục Thuế Huyện Thủy Nguyên (dropdown) 10311 (dropdown)
- Tên đơn vị chủ quản:
- Mã số thuế đơn vị chủ quản:
- Thông tin đại lý:
- Mã số thuế đại lý: *
- Tên đại lý thuế: *
- Địa chỉ trụ sở: *
- Quận/ huyện: *

At the bottom left, it says "Ký hiệu * là bắt buộc nhập." (Asterisk * indicates mandatory input). At the bottom right, there are "Ghi" and "Đóng" buttons.

Sau đó kế toán sẽ điền đầy đủ thông tin về công ty. Một số thông tin bắt buộc có kí hiệu “*” như:

- Người nộp thuế: ở đây điền là “Công ty trách nhiệm hữu hạn Thanh Tuấn”
- Địa chỉ trụ sở: ở đây điền là “số 76 đường 352 xã Mỹ Đông huyện Thủy Nguyên tp Hải Phòng”
- Quận/huyện: ở đây điền “Thủy Nguyên”
- Tỉnh/ thành phố: ở đây điền “Hải Phòng”
- Điện thoại, fax, email, ngành nghề kinh doanh, số TK ngân hàng, người ký tờ khai có thể bỏ qua.
- Ngày bắt đầu năm tài chính: ở đây điền “01/01”
- Cơ quan thuế cấp Cục: sẽ có cho bạn chọn, tùy theo doanh nghiệp của mình ở tỉnh hay thành phố nào trên toàn quốc, ở đây ta chọn “HPH-Cục Thuế TP Hải Phòng”

- Cơ quan thuế quản lý: ở đây ta chọn “Chi Cục Thuế Huyện Thủy Nguyên”

Cuối cùng kế toán kích chuột vào chữ “ghi” sau đó có dòng chữ “ Đã ghi dữ liệu thành công”, kế toán đóng giao diện đó bằng cách kích vào chữ “Đóng”. Sau đó kế toán chọn mục “Kê khai”, chọn “Thuế Giá Trị Gia Tăng” màn hình sẽ hiện lên giao diện như sau:



Kế toán chọn mục “Tờ khai GTGT khấu trừ (01/GTGT)” màn hình sẽ hiện lên một giao diện như sau:



Ở phần mục lục kê khai kế toán chọn “PL 01-1/GTGT” và “PL 01-2/GTGT” rồi kích chuột vào “đồng ý” . Kế toán chỉ sử dụng “PL 01-3/GTGT” sau khi phát hiện Tờ khai thuế GTGT mà mình nộp cho cơ quan thuế có sai sót, cần phải điều chỉnh hay bổ sung.

Giao diện mới xuất hiện ta sẽ thấy có dòng chữ nhỏ ở góc trái phía dưới “Tờ Khai”, “PL 01-1/GTGT”, “PL01-2/GTGT”.

Kế toán kích chuột vào “PL01-1/GTGT” nếu muốn kê khai hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra.(hình minh họa)

Hệ tri kê khai - Phiên bản 3.0.1

Nhập tờ khai

Tải bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:									
1							0	0	
	Tổng						0	0	
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:									
1							0	0	
	Tổng						0	0	
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:									
1							0	0	
	Tổng						0	0	
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:									
1							0	0	
	Tổng						0	0	
5. Hàng hoá, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:									
1							0	0	
	Tổng						0	0	

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra :

Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra :

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT :

Tờ khai: PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

Tại đây kế toán bắt đầu kê khai các hóa đơn, chứng từ bán ra. Phần này có chia ra thành các phần như sau:

1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT
2. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%
3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%
4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT

Khi kê khai lưu ý cần phải điền cho thật chính xác thông tin.

Ví dụ như:

Ngày 02/12/2011 hóa đơn GTGT số 0000009 do công ty TNHH Thanh Tuấn cung cấp cho công ty TNHH cơ khí Trung Anh. Nội dung hóa đơn là xuất bán than cục, với giá chưa thuế VAT 238.000.000 VNĐ, thuế suất 10%.

Kế toán kê khai như sau: vào phần 4:hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%. Điền đầy đủ thông tin như:

-Ký hiệu hóa đơn: AA/11P.

-Số hóa đơn: 0000009

-Ngày tháng năm phát hành: là ngày tháng ghi hóa đơn cho khách, ở đây là ngày 02/12/2011.

-Tên người mua: Công ty cơ khí Trung Anh

-Mã số thuế người mua: 0200662610

-Mặt hàng: than cục

-Doanh số bán chưa có thuế: 238.000.000 đồng

-Thuế suất: 10%

-Thuế giá trị gia tăng: 23.800.000 đồng

Điền hóa đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai. Nếu hết thì thôi.

Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ “ghi”. Tiếp đó hiện lên dòng chữ “ Đã ghi số liệu thành công”, tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ “Đóng”. Hoàn thành việc kê khai hóa đơn, chứng từ bán ra.

Kích chuột vào “PL 01-2/GTGT”, nếu như muốn kê khai hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào.

Ở phần này, kế toán cũng thực hiện các thao tác y như với phần kê khai bán ra, nhưng hóa đơn là những hóa đơn mua vào.

Kế toán chỉ cần kê khai ở trong 2 mục này, dữ liệu sẽ tự nhảy sang Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)
(Dành cho người nộp thuế khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

Kỳ tính thuế: Tháng 12 năm 2011
Lần đầu: Bỏ sung lần thứ:

Mã số thuế: 0200600903
Tên người nộp thuế:
Tên đại lý thuế (nếu có):
Mã số thuế đại lý:

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ HHDV	THUẾ GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X") [21]	<input type="checkbox"/>	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [22]		0
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào [23]	0	0
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này [25]		0
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT [26]	0	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT (([27]= [29]+[30]+[32]; [28]= [31]+[33]) [27]	0	0
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0% [29]	0	
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% [30]	0	0
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10% [32]	0	0
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra (([34] = [26] + [27]; [35] = [28]) [34]	0	0
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25]) [36]		0
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh tăng thuế GTGT của các kỳ trước [37]		0
2	Điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước [38]		0
V	Tổng số thuế GTGT đã nộp của doanh nghiệp kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vào lại ngoài tỉnh [39]		0

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

2.4. Một số quy định chung khi lập tờ khai thuế.

2.4.1. Một số quy định chung, nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế GTGT.

a) Một số quy định chung:

Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt sau:

- GTGT: giá trị gia tăng
- CSKD: cơ sở kinh doanh
- HHDV: hàng hóa dịch vụ

b) Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế (tháng... năm...) và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số từ [01] đến [11] như:

- + [01]: kỳ tính thuế: tháng 12 năm 2011
- + [02]: lần đầu **X**
- + [03]: bổ sung lần thứ
- + [04] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Thanh Tuấn
- + [05]: Mã số thuế: 0200600903

- + [06]: Địa chỉ : xã Mỹ Đông
- + [07]: Quận/huyện: Thủy Nguyên
- + [08]: Tỉnh/thành phố: Hải Phòng
- + [09]: Điện thoại: 0313.873547
- + [10]: Fax: 0313.873547
- + [11]: Email

c) Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam. Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế GTGT. Đối với các chỉ tiêu không có số liệu phát sinh trong kỳ tính thuế thì bỏ trống không ghi. Nếu các chỉ tiêu có kết quả tính toán nhỏ hơn không thì phần số ghi vào Tờ khai thuế được để trong ngoặc(...) Các chỉ tiêu điều chỉnh trên tờ khai phải có Bảng giải trình đính kèm.

d) Tờ khai thuế GTGT gửi đến cơ quan thuế chỉ được coi là hợp pháp khi tờ khai được kê khai theo đúng mẫu quy định, các chỉ tiêu trong tờ khai được ghi đúng và đầy đủ theo các nguyên tắc nêu tại các điểm trên và được người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên, đóng dấu vào cuối tờ khai.

2.4.2. Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế GTGT (mẫu số 01/GTGT)

A- không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ

Nếu trong kỳ kê khai cơ sở kinh doanh không có các hoạt động mua, bán HHDV thì đánh dấu “X” vào ô mã số [21], đồng thời không phải điền số liệu vào các chỉ tiêu phản ánh HHDV mua vào, bán ra trong kỳ.

B- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang.

Mã số [22]: Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang
[22]: 28.037.780

C- Kê khai thuế GTGT phải nộp ngân sách Nhà nước

I- Hàng hóa dịch vụ (HHDV) mua vào.

Số hiệu để kê khai vào các chỉ tiêu của mục này bao gồm HHDV mua vào trong kỳ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm thuế GTGT đầu vào của các Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh số 01B/GTGT).

1. Giá trị và thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào:

Mã số [23]: số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT, bao gồm giá trị HHDV mua vào trong nước và nhập khẩu.

[23]: 385.952.244

Mã số [24]:

2. Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này:

Mã số [25]: số hiệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ, bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong nước và số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu.

[25]: 38.595.224

II- Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

1. Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT

Mã số [26]:

2. Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT

$([27] = [29] + [30] + [32]; [28] = [31] + [33])$

Mã số [27]: số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT.

[27]: 552.024.000

Mã số [28]: số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27].

[28]: 55.202.400

a) Chỉ tiêu “ hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%”.

Mã số [29]: số liệu ghi vào mã số này là giá trị HHDV bán ra trong kỳ chịu thuế GTGT theo thuế suất 0%.

[29]: không phát sinh

b) Chỉ tiêu ‘ hàng hóa , dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%”.

Mã số [30]: số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ(chưa có thuế GTGT) chịu thuế GTGT 5%.

[30]: không phát sinh

Mã số [31]: số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị HHDV bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 5% đã ghi vào mã số [30].

[31]: không phát sinh

c) Chỉ tiêu “hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%”

Mã số [32]: số liệu ghi vào mã số này là giá trị HHDV bán ra trong kỳ (chưa thuế có GTGT) chịu thuế suất 10%.

[32]: 552.024.000

Mã số [33]: số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị HHDV bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 10% đã ghi vào mã số [32].

[32]: 55.202.400

3. Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra

([34]=[26]+[27]; [35]=[28])

Mã số [34]: số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa bán ra trong kỳ

[34]: 552.024.000

Mã số [35]: số liệu ghi vào số này là số thuế GTGT được khấu trừ tương ứng với tổng giá trị hàng hóa bán ra trong kỳ

[35]: 55.202.400

III. Thuế GTGT phát sinh trong kỳ [36] = [35] – [25]

[36]: 16.607.176

IV. Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của kỳ trước.

1. Chỉ tiêu “điều chỉnh tăng thuế GTGT của các kỳ trước”.

Mã số [37]: số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng của tổng giá trị của HHDV bán ra (giá trị chưa có thuế GTGT) của các kỳ kê khai trước.

[37]: không phát sinh

2. Chỉ tiêu “điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước”.

Mã số [38]: số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh giảm của tổng giá trị của HHDV bán ra (giá trị chưa có thuế GTGT) của các kỳ kê khai trước.

[38]: không phát sinh

V. Tổng số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh.

Mã số [39]: không phát sinh

VI. Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ

1. Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (nếu $[40a]=[36] - [22] = [37] - [38] - [39] > 0$)

Mã số [40a]: không phát sinh

2. Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư (cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế

Mã số [40b]: không phát sinh

3. Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ($[40] = [40a] - [40b]$)

Mã số [40]:

4. Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này
(nếu $[41]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39]<0$)

Mã số [41]: 11.430.604

PHẦN III

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT TẠI CÔNG TY TNHH THANH TUẤN

I. Yêu cầu của việc hoàn thiện.

1. Hoàn thiện phải phù hợp với chính sách và chuẩn mực kế toán.

Như ta đã biết yêu cầu của kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng là phải tuân thủ đúng theo chuẩn mực kế toán mới nhất cũng như những chế độ, chính sách tài chính của nhà nước. Một doanh nghiệp cho dù hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nào, thuộc loại hình nào thì cũng phải tuân thủ theo đúng những quy định của bộ tài chính trọng việc sử dụng, ghi chép hóa đơn, chứng từ, kê khai thuế, khấu trừ thuế và nộp thuế. Nếu doanh nghiệp không làm đúng những quy định hiện hành về thuế thì lập tức sẽ có sự can thiệp của cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Chính vì vậy, việc hoàn thuế cũng như chuẩn mực kế toán hiện hành, một mặt để thuận lợi trong công tác quản lý, mặt khác để không vi phạm chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước. Nhà nước ta luôn tạo điều kiện thuận lợi, đối xử công bằng đối với tất cả các doanh nghiệp, bất cứ doanh nghiệp nào kinh doanh không đúng pháp luật đều bị xử phạt nghiêm minh. Nếu như doanh nghiệp thực hiện đúng theo những quy định hướng dẫn của Nhà nước thì đương nhiên là sẽ được hưởng mọi ưu đãi trong mọi lĩnh vực.

2. Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại doanh nghiệp nói chung và tại Công ty TNHH Thanh Tuấn nói riêng, không chỉ phải phù hợp với chính sách, chế độ và chuẩn mực kế toán của Nhà nước mà phải đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Tùy theo từng loại hình doanh nghiệp, từng ngành nghề kinh doanh khác nhau, triết lý kinh doanh của người chủ doanh nghiệp khác nhau thì cách thức quản lý tại từng doanh nghiệp khác nhau. Chính vì vậy việc hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, bởi vì bất kỳ một doanh nghiệp nào khi đã bước chân vào thương trường thì đều đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu. Công việc quản lý của người chủ là đề ra mục tiêu,

xây dựng phương hướng, cách thức thực hiện mục tiêu và chỉ ra những nguồn lực cần thiết để đạt được mục tiêu đó. Thuế GTGT không ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp vì bán than doanh nghiệp không phải là đối tượng chịu thuế nhưng sự vận động của nó ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn của doanh nghiệp cho nên xét đến cùng thì nó cũng phần nào ảnh hưởng gián tiếp đến lợi nhuận kinh doanh. Do đó thuế GTGT là đối tượng quản lý trực tiếp của bất kỳ doanh nghiệp nào kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận. Việc hoàn thiện nếu không đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp thì sẽ mất đi ý nghĩa chủ quan của nó, về mặt lý thuyết nếu thiếu bất kỳ một ý nghĩa nào thì không được coi là hoàn thiện. Nói tóm lại trên đây là hai yêu cầu đặt ra trước hết của việc tổ chức hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng.

II. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH Thanh Tuấn.

1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thanh Tuấn.

1.1.Ưu điểm .

➤ Bộ máy kế toán:

- Công ty TNHH Thanh Tuấn là công ty có bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả và luôn đảm bảo cung cấp kịp thời mọi thông tin về tình hình tài chính khi có nhu cầu.
- Bộ máy kế toán của công ty tuy đơn giản nhưng luôn phát huy được sức sáng tạo và năng động . Công ty có đội ngũ kế toán viên trẻ, nhiệt tình, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.
- Kế toán trưởng thường xuyên kiểm tra, đối chiếu các số liệu đảm bảo cung cấp thông tin chính xác cho việc kê khai thuế, khấu trừ thuế và nộp thuế.

➤ Chứng từ, sổ sách:

- Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống chứng từ kế toán về thuế GTGT : hóa đơn bán hàng(GTGT), bảng kê hóa đơn, chứng từ của hàng

hóa dịch vụ mua vào, bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra, tờ khai thuế GTGT ...đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và tính pháp lý của nghiệp vụ.

- Các chứng từ được sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận.
- Công ty đã cập nhật và áp dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản mới nhất trong việc kê khai thuế, giúp cho việc kê khai tương đối thuận tiện, nhanh chóng và chính xác.
- Việc khấu trừ thuế GTGT và nộp thuế GTGT đều được thực hiện theo đúng quy định về cách thức tiến hành cũng như thời gian.

1.2.Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm đã được đề cập ở trên thì công tác kế toán nói chung, công tác kế toán thuế GTGT nói riêng tại công ty còn nhiều mặt hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện hơn. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập qua thời gian nghiên cứu tại công ty em xin đưa ra một số ý kiến sau:

1.2.1. Nhân viên kế toán thuế:

Công ty đã có kế toán chuyên làm về thuế nhưng kế toán lại không được đào tạo về chuyên ngành kế toán thuế, chưa có kinh nghiệm trong công việc nên khi làm còn nhiều sai sót, kế toán tổng hợp phải kiểm tra và điều chỉnh lại

Hầu hết công việc vẫn do kế toán tổng hợp kiêm nhiệm như vậy sẽ gây mất thời gian và gây khó khăn cho việc theo dõi số liệu, làm giảm hiệu quả công việc.

1.2.2. Chứng từ, sổ sách:

- Hóa đơn viết sai xé khỏi cuống không có biên bản điều chỉnh hoặc biên bản hủy hóa đơn.
- Khi mua hàng qua điện thoại , kế toán chủ quan không nhận hóa đơn tại nơi giao hàng mà nhận hóa đơn do người bán mang đến dẫn đến việc dễ bị hóa đơn giả hay số liệu không khớp với thực tế.
- Tình hình báo cáo sử dụng hóa đơn chưa chính xác.

- Trường hợp bán lẻ công ty không tiến hành ghi hóa đơn. Việc này là sai với quy định.

2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thanh Tuấn.

2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT.

Thuế là công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc thực hiện chức năng quản lý vĩ mô với nền kinh tế. Nền kinh tế nước ta đang vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước do đó thuế Giá trị gia tăng đóng vai trò rất quan trọng nhằm thúc đẩy sản xuất, khuyến khích phát triển nền kinh tế quốc dân, động viên một phần thu nhập của dân vào Ngân sách nhà nước. Thuế Giá trị gia tăng là công cụ sắc bén để điều hòa thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, mở rộng kinh tế đối ngoại, đồng thời bảo vệ lợi ích sản xuất trong nước. Vì vậy cần áp dụng thuế Giá trị gia tăng cho đúng đắn, công bằng, có hiệu quả, đáp ứng được chủ trương của Nhà nước.

Đối với doanh nghiệp cần phải xác định rõ được số thuế GTGT phải nộp cho Nhà nước nên cần có kế toán Thuế trong hệ thống kế toán của doanh nghiệp. yêu cầu của công tác kế toán thuế GTGT là phải tuân thủ đúng theo chuẩn mực kế toán mới nhất cũng như những chế độ, chính sách tài chính của Nhà nước. một doanh nghiệp cho dù hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nào thì cũng phải tuân thủ theo đúng quy định của Bộ tài chính trong việc sử dụng, ghi chép hóa đơn, chứng từ, kê khai thuế, khấu trừ thuế và nộp thuế. Nếu doanh nghiệp không làm theo đúng những quy định hiện hành về thuế thì lập tức sẽ có sự can thiệp của cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Chính vì vậy việc hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT rất cần thiết và phải theo hướng phù hợp với chế độ chính sách thuế cũng như chuẩn mực kế toán hiện hành, một mặt để thuận lợi cho công tác quản lý, mặt khác để không vi phạm chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp thì sự thành bại của doanh nghiệp là điều tất yếu. Một doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định

phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH Thanh Tuấn tuy không ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty vì bản thân Công ty không phải là đối tượng chịu thuế nhưng sự vận động của nó có ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn của doanh nghiệp chính vì vậy mà Công ty càng cần hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT .

2.2.Mục đích, phạm vi, nguyên tắc của hoàn thiện.

➤ Mục đích của hoàn thiện:

- Khắc phục những thiếu sót
- Đưa ra những giải pháp để từ đó doanh nghiệp có những bước đi đúng đắn trong tương lai.

➤ Phạm vi của hoàn thiện:

- Trong công ty TNHH Thanh Tuấn

➤ Nguyên tắc của hoàn thiện:

- Tôn trọng các chuẩn mực Nhà nước đưa ra
- Không làm ảnh hưởng tới các hoạt động khác trong doanh nghiệp

2.3.Những ý kiến hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty.

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thanh Tuấn mà cụ thể là tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại công ty, tuy còn hạn chế về khả năng nhận thức và kinh nghiệm thực tế nhưng qua bài viết này em cũng xin mạnh dạn trình bày một số ý kiến về công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty. Ý kiến đề xuất dưới đây của em có thể còn mang tính chủ quan của cá nhân nhưng em hi vọng sẽ góp phần nào trong việc hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thanh Tuấn giúp cho công tác kế toán thuế được hoàn thiện hơn.

➤ **Ý kiến 1: Về kỹ thuật.**

Như chúng ta đã biết, chức năng cơ bản của kế toán là cung cấp thông tin về tình hình kinh tế, tài chính trong doanh nghiệp cho các nhà quản lý. Việc thực hiện chức năng này có tốt hay không, trước hết phụ thuộc vào tính thường xuyên, kịp thời và chính xác của thông tin. Ngày nay theo đà phát triển của công nghệ

thông tin, việc đưa máy tính vào sử dụng trong công tác kế toán đã tương đối phổ biến. Tin học hóa công tác kế toán không chỉ giải quyết được vấn đề xử lý và cung cấp thông tin nhanh chóng, thuận lợi mà nó còn làm tăng năng suất lao động của bộ máy kế toán, tạo cơ sở để tinh giản bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán. Vì vậy, để theo kịp thời đại và đáp ứng yêu cầu quản lý công ty TNHH Thanh Tuấn nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán.

Dưới đây là một số phần mềm kế toán công ty có thể áp dụng:

- Phần mềm ACMAN: ACMAN được thiết kế và lập trình trên công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn của Bộ tài chính. Với phần mềm này người sử dụng chỉ cần cập nhật số liệu đầu vào phát sinh theo hệ thống chứng từ, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Phần mềm MISA: đây là phần mềm được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hầu hết các phần hành kế toán của nhiều loại hình doanh nghiệp. Với tiêu chí “đơn giản hóa, dễ sử dụng, đáp ứng nhu cầu quản lý kế toán của doanh nghiệp” MISA được đánh giá là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác kê toán- quản trị doanh nghiệp, phù hợp với loại hình doanh nghiệp: thương mại dịch vụ, sản xuất lắp ráp.

Việc thay đổi này đòi hỏi công ty phải có sự nghiên cứu, đầu tư, đào tạo cán bộ tin học tuy nhiên hiệu quả đem lại rất cao

➤ **Ý kiến 2: Nhân viên kế toán thuế:**

- Kế toán thuế là một mảng rất quan trọng trong bộ máy kế toán nên nhân viên kế toán thuế tại công ty đòi hỏi phải có hiểu biết sâu rộng về luật thuế, có nghiệp vụ tốt, hiểu rõ và có kinh nghiệm về kế toán thuế để tránh được sai sót trong việc kê khai. Kế toán thuế phải được tập huấn thường xuyên vì chính đối tượng này tạo cơ sở chấp hành pháp luật đúng hay sai qua việc sử dụng hóa đơn chứng từ đúng nguyên tắc, đúng chế độ, là bước đầu cho công tác hạch toán, đóng vai trò quyết định quan trọng nhất trong quản lý thu thuế và chống thất thu

thuế. Đảm bảo thuận lợi cho kế toán thanh toán thuế với Ngân sách Nhà nước. Do vậy, công ty nên thường xuyên tổ chức hay tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên kế toán bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ kế toán, củng cố kiến thức đồng thời bổ sung kiến thức mới phù hợp với sự phát sinh các nghiệp vụ kinh tế mới. Trong điều kiện phát triển của nền kinh tế nước ta khi mà Luật kế toán còn non trẻ và còn phải hoàn thiện trong quá trình thực hiện, cùng với các chuẩn mực kế toán thường xuyên thay đổi dẫn đến khó khăn cho công tác kế toán, vì vậy phòng kế toán phải thường xuyên cập nhật các văn bản thông tư mới phục vụ công tác kế toán kịp thời theo đúng quy định của Nhà nước, tránh tình trạng không thực hiện kịp thời theo thông tư, văn bản mới dẫn đến vi phạm pháp luật.

➤ **Ý kiến 3: Về hóa đơn.**

- Khi mua hàng qua điện thoại kế toán cần tới tận nơi mua hàng để lấy hóa đơn và phải kiểm tra xem số liệu hóa đơn và thực tế có khớp không.
- Kiến nghị về lập hóa đơn khi hàng giảm giá
 - + Kế toán nên ghi hóa đơn hàng giảm giá với giá tính thuế là giá sau khi đã trừ các khoản giảm trừ, giảm giá.
 - + Đối với hàng bán bị trả lại kế toán phải tiến hành ghi hóa đơn GTGT cho hàng hóa nhập lại kho.
- Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng giúp cho quá trình kê khai, tính và nộp thuế tránh được tình trạng bỏ sót hóa đơn, dễ dàng đối chiếu số liệu kế toán từ các sổ chi tiết các TK 133 và TK 333 với Tờ khai thuế. Tuy nhiên do nhân viên kế toán thuế tại công chưa phân biệt rõ giữa hủy hóa đơn và xóa bỏ hóa đơn dẫn tới việc lập BCTHSD hóa đơn vẫn tồn tại những sai sót. Vì vậy, kế toán thuế của công ty phải phân biệt hủy hóa đơn và xóa bỏ hóa đơn tránh tình trạng nhầm lẫn ảnh hưởng tới tờ khai thuế của công ty.
 - + Xóa bỏ là hóa đơn đã xuất, có sai sót nhưng chưa xé liên 2 hóa đơn ra khỏi cuống, gạch chéo cả 3 liên và ghi chữ xóa bỏ. lúc kê khai trên

BCTHSD hóa đơn kế toán đưa số lượng hóa đơn xóa bỏ vào chỉ tiêu xóa bỏ.

+ Hủy hóa đơn là hóa đơn đã xuất , liên 2 đã xé khỏi cuốn sau đó phát hiện sai sót, phải thu hồi và lập biên bản hủy hóa đơn. Lúc kê khai trên Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn kê khai số lượng hủy vào chỉ tiêu hủy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỦY HÓA ĐƠN

- Căn cứ vào hợp đồng.....
Ngày ...tháng...năm.....ký giữa Công tyvà Công ty.....về việc mua bán Căn cứ vào thực trạng hóa đơn GTGT số ... ngày .../.../... mà Công ty.....đã cấp cho Công ty.....

- Hôm nay, ngày thángnăm..... tại Trụ sở Công ty....., số nhà.....chúng tôi gồm có:

Bên A:.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Do ông/ bà:.....,Chức vụ:....., làm đại diện.

Bên B:.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Do ông/bà:.....chức vụ:....., làm đại diện.

- Hai bên cùng xác nhận việc hủy bỏ hóa đơn GTGT số ngày.../.../... mà Công ty..... đã cấp cho Công ty.....

1/ Lý do hủy bỏ hóa đơn:

.....
.....

2/ Cam kết:

- Công tyvà Công ty.....cam kết không sử dụng hóa đơn GTGT số..... ngày.../.../... trong công việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Công tycam kết không kê khai thuế GTGT đầu vào của hóa đơn số..... của Công ty.....nếu có sự sai trái trong công việc kê khai thuế của hóa đơn trên, Công ty.....hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Liên 2 của hóa đơn số..... được hoàn trả lại cho Công ty.....

Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một bản.

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Ý kiến 4: Ý kiến khác:

– Khi kê khai thuế GTGT kế toán bỏ sót hóa đơn đầu vào đầu ra. việc này cần phải được kế toán điều chỉnh kịp thời vào tháng phát hiện ra sai sót này. Với hóa đơn đầu vào thì trong thời hạn 6 tháng có thể khai bổ sung còn nếu quá 6 tháng thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nữa mà kế toán sẽ phải hạch toán vào chi phí.

– Kê khai thuế qua mạng Internet là bước đi tất yếu trong giai đoạn hiện nay nhằm từng bước hiện đại hóa ngành thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước, giảm áp lực cho ngành thuế, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội. Đây cũng là xu hướng tất yếu trong thời kỳ kinh tế hội nhập hiện nay. Khi doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế qua mạng sẽ giảm được chi phí, thời gian di chuyển đến cơ quan thuế, kê khai thuế mọi lúc mọi nơi trên đường truyền Internet, tránh được các thủ tục rườm rà khi mua hóa đơn, giảm tải công việc cho chi cục thuế.

– Kiến nghị lập chỉ tiêu 37, 38 trên tờ khai thuế. Các chỉ tiêu 37, 38 trên tờ khai thuế chỉ sử dụng để hạch toán thuế đầu vào được khấu trừ khi có sai sót. Kê khai điều chỉnh tăng giảm tiền thuế GTGT phải nộp kì trước đã khai bổ sung, điều chỉnh của tờ khai tháng sau.

+ kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ thì khai vào chỉ tiêu [37]

– điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kì trước.

+kê khai điều chỉnh tăng số thuế GTGT được khấu trừ (không phát sinh thuế phải nộp) thì khai vào chỉ tiêu [38]- điều chỉnh tăng thuế GTGT của kỳ trước.

KẾT LUẬN

Phát triển kinh tế luôn là mục tiêu hàng đầu của mỗi quốc gia. Nước ta đang trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước mà thuế là công cụ quản lý hữu hiệu. Thuế không chỉ không chỉ tạo nguồn thu cho Chính phủ hoạt động mà còn là công cụ để phân phối lại thu nhập, tạo ra công bằng xã hội vì vậy thuế đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong hệ thống các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của Chính phủ.

Thuế giá trị gia tăng có vai trò quan trọng nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất, khuyến khích phát triển nền kinh tế quốc dân, động viên một phần thu nhập của người tiêu dùng vào ngân sách nhà nước. Vì vậy thuế giá trị gia tăng cần phải áp dụng đúng đắn, công bằng, có hiệu quả, đáp ứng chủ trương của Nhà nước.

Nhận thức được tầm quan trọng của thuế GTGT, với vốn kiến thức đã được trang bị trên ghế nhà trường cùng với quá trình tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH Thanh Tuấn, em đã chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thanh Tuấn” làm đề tài luận văn của mình. Với góc độ là một sinh viên thực tập tại công ty TNHH Thanh Tuấn em mong muốn đóng góp một vài ý kiến chủ quan của cá nhân mình góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty, từ đó nâng cao hiệu quả của công tác quản lý thuế giá trị gia tăng tại công ty nói riêng và Nhà nước nói chung.

Được sự giúp đỡ tận tình của cô giáo Thạc sĩ Đồng Thị Nga và các cô chú tại công ty TNHH Thanh Tuấn cùng với lý luận thực tiễn em đã hoàn thiện luận văn tốt nghiệp của mình. Song do giới hạn về thời gian, trình độ cũng như sự hiểu biết còn hạn chế nên chuyên đề của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô giáo và các bạn để em có thể hoàn thiện hơn bài luận của mình góp phần cho công tác thực tế sau này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn cô giáo – ThS. Đồng Thị Nga và các cô chú trong công ty đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành bài luận văn.

Em xin chân thành cảm ơn!